

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**



GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: DU LỊCH SINH THÁI

NGHỀ : QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 761/QĐ-CDLTP-ĐT ngày 17 tháng 08 năm 2017 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm)*

Đà Nẵng, 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Du lịch sinh thái (DLST) là một trong những xu hướng của du lịch và nhận được sự quan tâm đáng kể của xã hội. Theo đánh giá của Hiệp hội Du lịch Châu Á – Thái Bình Dương (PATA), DLST đang có chiều hướng phát triển và trở thành một bộ phận có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất về tỷ trọng trong ngành du lịch. Nơi nào còn giữ được sự cân bằng sinh thái thì nơi đó sẽ có tiềm năng phát triển tốt về DLST và thu hút được nguồn du khách lớn, lâu dài và ổn định.

Việt Nam cũng có tiềm năng lớn để phát triển DLST, song song với sự phát triển đô thị, các khu công nghiệp và các ống khói nhà máy mọc lên thì các khoảng xanh đô thị và ven đô thị cũng được thiết kế để tạo nên sự cân bằng cho sinh thái môi trường. Tuy nhiên, cho đến nay, việc phát triển của loại hình du lịch này còn gặp rất nhiều khó khăn, những hiểu biết kinh nghiệm còn hạn hẹp và chưa có những cơ sở lý luận đủ vững chắc để đáp ứng ngang tầm với sự phát triển của DLST đương đại. Loại hình du lịch này ở Việt Nam mới chỉ chú trọng đến các mục tiêu về môi trường và về sức khỏe chứ chưa mang ý nghĩa giáo dục về trách nhiệm bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường tự nhiên và phát huy những giá trị văn hóa cao đẹp của các dân tộc và các ích lợi khác.

Nhằm trang bị cho các sinh viên ngành Quản trị du lịch và lễ hành hiểu biết về cơ sở sinh thái môi trường, tài nguyên du lịch sinh thái, cách quản lý, bảo khai thác các tài nguyên sinh thái phục vụ trong du lịch, nhóm chúng tôi biên soạn giáo trình Du lịch sinh thái để cung cấp nguồn tài liệu học tập và tham khảo cho sinh viên.

Để đảm bảo khối lượng kiến thức phù hợp với trình độ Cao đẳng nghề Quản trị du lịch và lễ hành nội dung giáo trình được thiết kế trong 5 chương như sau:

Chương 1: Đại cương về du lịch sinh thái

Chương 2: Quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái

Chương 3: Hoạt động du lịch sinh thái và những vấn đề liên quan

Chương 4: Tài nguyên cảnh quan trong phát triển du lịch sinh thái

Chương 5: Các loại hình du lịch sinh thái tại Việt Nam

Mỗi quốc gia khác nhau tài nguyên, cách quản lý DLST cũng không giống nhau, nên quá trình biên soạn không tránh khỏi những sai sót và chưa hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu bạn đọc. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để nội dung giáo trình được hoàn chỉnh.

Thành viên biên soạn:

1. Nguyễn Thị Kim Nguyên (chủ biên)
2. Huỳnh Thị Kim Ngân

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ DU LỊCH SINH THÁI.....	1
1. Khái niệm về du lịch sinh thái.....	1
1.1 Các khái niệm về du lịch sinh thái.....	1
1.2. Khái niệm về phát triển du lịch sinh thái bền vững.....	3
1.3. Các nguyên tắc du lịch sinh thái bền vững	3
2. Sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên trong phát triển du lịch sinh thái.....	5
2.1. Định nghĩa về tài nguyên	5
2.2 Tài nguyên của du lịch sinh thái.....	5
CHƯƠNG 2: QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ DU LỊCH SINH THÁI.....	11
1. Định nghĩa về quy hoạch du lịch sinh thái.....	11
2. Các yêu cầu cần thiết để lựa chọn một khu vực phát triển du lịch sinh thái	12
3. Những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch sinh thái	12
4. Các bước cơ bản của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái	13
5. Các nguyên tắc của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái	17
CHƯƠNG 3: HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN	21
1. Những tác động lên môi trường của hoạt động du lịch sinh thái.....	21
1.1. Tác động đến tài nguyên thiên nhiên	21
1.2. Tác động đến tài nguyên sinh vật và môi trường ở các khu du lịch sinh thái	22
1.3. Tác động đến các mặt của đời sống xã hội.....	23
2. Sự cố và hiểm họa của du lịch sinh thái	24
2.1. Định nghĩa sự cố và hiểm họa của du lịch sinh thái	24
2.2. Các bước quản lý sự cố và hiểm họa của môi trường trong du lịch sinh thái	24
CHƯƠNG 4: TÀI NGUYÊN CẢNH QUAN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI	26
1. Định nghĩa cảnh quan và tài nguyên cảnh quan.....	26
1.1. Cảnh quan.....	26
1.2. Tài nguyên cảnh quan	27
2. Sử dụng tài nguyên cảnh quan trong phát triển du lịch sinh thái.....	28
3. Các tác động du lịch sinh thái đối với cảnh quan.....	28

4. Nguyên tắc cơ bản bảo vệ tài nguyên cảnh quan trong du lịch sinh thái	29
CHƯƠNG 5: CÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH SINH THÁI Ở VIỆT NAM	31
1. Các loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam.....	31
1.1. Du lịch dã ngoại, tham quan, giải trí, nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng.....	31
1.2. Du lịch tìm hiểu, nghiên cứu theo chuyên đề sinh thái, lịch sử, khảo cổ, văn hóa	31
1.3. Du lịch hội nghị, hội thảo.....	31
1.4. Du lịch về thăm chiến trường xưa.....	32
1.5. DLST rạn San hô.....	32
2. Sơ lược về một số điểm du lịch sinh thái ở Việt Nam	33
2.1. Vườn quốc gia	33
2.2. Các khu BTTN, di sản văn hóa, lịch sử.....	34
2.3. Các vườn chim, các khu vui chơi do con người tạo nên để tham quan du lịch.....	34
3. Định hướng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam	35
3.1 Tình hình phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.....	35
3.2. Định hướng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam	36

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC
DU LỊCH SINH THÁI
MÃ MÔN HỌC: 1013013

CHƯƠNG 1
ĐẠI CƯƠNG VỀ DU LỊCH SINH THÁI

Giới thiệu: Chương 1 cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về DLST như khái niệm DLST, nhấn mạnh khái niệm về DLST bền vững, các nguyên tắc của DLST bền vững. Nội dung này rất quan trọng. Ngoài ra, chương này còn cung cấp các kiến thức về sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên trong phát triển du lịch.

Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về du lịch sinh thái, du lịch sinh thái bền vững và phát triển du lịch sinh thái bền vững
- Phân tích được các nguyên tắc du lịch sinh thái bền vững
- Xác định được các loại tài nguyên của du lịch sinh thái;
- Đánh giá được việc sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong du lịch sinh thái

A. NỘI DUNG:

1. Khái niệm về du lịch sinh thái

1.1 Các khái niệm về du lịch sinh thái

Ngày nay, xu hướng chung của toàn thế giới coi du lịch nói chung, DLST nói riêng như là nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá. DLST đã và đang trên đà trở mình và đã trở nên phổ biến đối với những người yêu thiên nhiên, nó xuất phát từ các trăn trở về môi trường, kinh tế và xã hội – một trong những cách thức để trả nợ cho môi trường tự nhiên và làm tăng giá trị của các khu BTTN còn lại.

DLST còn có thể được biết đến dưới nhiều tên gọi khác nhau

- Du lịch thiên nhiên (Natural tourism)
- Du lịch dựa vào thiên nhiên (Natural-based tourism)
- Du lịch môi trường (Environmental tourism)
- Du lịch đặc thù (Particular tourism)
- Du lịch xanh (Green tourism)

- Du lịch thám hiểm (Adventure tourism)
- Du lịch bản xứ (Indigenous tourism)
- Du lịch có trách nhiệm (Responsible tourism)

DLST (ecotourism) là một khái niệm tương đối mới và đã nhanh chóng thu hút được sự quan tâm của nhiều người hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Đây là một khái niệm rộng, được hiểu theo những cách khác nhau từ những góc độ tiếp cận khác nhau. Đối với một số người, DLST chỉ đơn giản là sự ghép nối ý nghĩa của hai khái niệm “*du lịch*” và “*sinh thái*” vốn đã quen thuộc từ lâu. Tuy nhiên, đứng ở góc nhìn rộng hơn, tổng quát hơn thì một số người quan niệm rằng DLST là một loại hình du lịch thiên nhiên. Như vậy, với cách tiếp cận này, mọi hoạt động của du lịch có liên quan đến thiên nhiên như tắm biển, nghỉ núi... đều được hiểu là DLST.

Từ năm 1987 đến nay, trên thế giới đã có nhiều định nghĩa khác nhau về DLST của các nhà khoa học và của các quốc gia.

“DLST là sự tạo nên và thỏa mãn sự khao khát thiên nhiên, là sự khai thác các tiềm năng du lịch cho bảo tồn và phát triển và là sự ngăn ngừa các tác động tiêu cực lên sinh thái, văn hóa và thẩm mỹ”.

“DLST là du lịch vào những khu tự nhiên hầu như không bị ô nhiễm hoặc ít bị xáo trộn với mục tiêu đặc biệt: nghiên cứu, thưởng ngoạn, trân trọng khung cảnh và muông thú hoang dã và các biểu thị văn hóa được khám phá trong các khu vực này”. (Ceballos – Lascurain, H, 1987)

“DLST là du lịch tại các vùng còn chưa bị con người làm biến đổi. Nó phải đóng góp vào BTTN và phúc lợi của dân địa phương”. (L. Hens, 1998)

“DLST là du lịch có mục đích với các khu tự nhiên, hiểu biết về lịch sử văn hóa và lịch sử tự nhiên của môi trường, không làm biến đổi tình trạng của hệ sinh thái, đồng thời ta có cơ hội để phát triển kinh tế, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và lợi ích tài chính cho cộng đồng địa phương”. (Hiệp hội DLST Hoa kỳ, 1998)

“DLST là một hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên và định hướng về môi trường tự nhiên và nhân văn, được quản lí một cách bền vững và có lợi cho sinh thái” (Hiệp hội DLST Australia)

Ở Việt Nam, DLST là lĩnh vực mới được nghiên cứu từ giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX, song đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu về du lịch và môi trường. Do trình độ nhận thức khác nhau, ở những góc độ nhìn nhận khác nhau, khái niệm về DLST cũng còn nhiều điểm chưa thống nhất.

Định nghĩa về DLST ở Việt Nam lần đầu tiên được đưa ra tại Hội thảo quốc gia về “Xây dựng chiến lược phát triển Du lịch du thái ở Việt Nam” từ ngày 7 đến 9/9/1999:

“Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”

“DLST là một loại hình du lịch lấy các hệ sinh thái đặc thù, tự nhiên làm đối tượng để phục vụ cho những khách du lịch yêu thiên nhiên, du ngoạn, thưởng thức những cảnh cũng là hình du lịch với giới thiệu về những cảnh đẹp của quốc gia cũng như giáo dục tuyên truyền và bảo vệ, phát triển môi trường và tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững” (Lê Huy Bá – 2000)

1.2. Khái niệm về phát triển du lịch sinh thái bền vững

Khái niệm *phát triển bền vững* (sustainable development) ra đời rất muộn màng, lần đầu tiên xuất hiện trong báo cáo *“tương lai của chúng ta”* của ủy ban môi trường và phát triển của ngân hàng thế giới (WB), vào năm 1987.

Trong phát triển bền vững, điều cần chú ý nhất là thỏa mãn các nhu cầu hiện tại và không làm tổn hại đến sự thỏa mãn các nhu cầu trong tương lai, đảm bảo sử dụng đúng mức và ổn định tài nguyên thiên nhiên, môi trường sống. Như vậy, phát triển bền vững không chỉ là phát triển kinh tế, văn hóa, XH một cách bền vững nhờ khoa học công nghệ tiên tiến mà còn phải đảm bảo những điều kiện môi trường thiết yếu cho con người đang tồn tại và cho các thế hệ sẽ tồn tại (những người đang sống và những người sẽ sống).

“DLST bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi đó vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên và phát triển du lịch trong tương lai”. Du lịch bền vững đưa ra kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thỏa mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội và thẩm mỹ của con người, mặt khác vẫn duy trì được sự toàn vẹn về mặt xã hội, sự đa dạng về sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho con người.

Phát triển DLST bền vững không những đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững mà còn làm giảm tối thiểu các tác động của khách du lịch đến văn hóa và môi trường, đảm bảo cho địa phương được hưởng nguồn lợi tài nguyên do du lịch mang lại và cần chú trọng đến những đóng góp tài chính cho việc BTTN.

Phát triển DLST bền vững cần có sự cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường trong khuôn khổ các nguyên tắc và các giá trị đạo đức (Allen K., 19199.)

1.3. Các nguyên tắc du lịch sinh thái bền vững

Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của du khách, giảm thiểu các tác động lên môi trường sinh thái và đem lại phúc lợi (sinh thái, kinh tế, xã hội) cho cộng đồng địa phương, DLST lấy một số cơ sở sau để phát triển:

- Tìm hiểu và bảo vệ các giá trị thiên nhiên, văn hóa
- Giáo dục môi trường
- Phải có tổ chức về nghiệp vụ du lịch, hạn chế tới mức thấp nhất đối với môi trường
- Phải hỗ trợ cho bảo vệ môi trường
- DLST nên khởi đầu với sự giúp đỡ của những thông tin cơ bản nhưng đa dạng của cộng đồng và cộng đồng nên duy trì việc kiểm soát sự phát triển của du lịch.
- Sử dụng và bảo vệ tài nguyên một cách bền vững: bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên, xã hội, văn hóa. Việc sử dụng bền vững tài nguyên là nền tảng cơ bản nhất của việc phát triển DLST bền vững.
- Chương trình giáo dục và huấn luyện để cải thiện, quản lý di sản và các tài nguyên thiên nhiên nên được thành lập. Giám tiêu thụ, giám chất thải một cách triệt để nhằm nâng cao chất lượng môi trường.
- Duy trì tính đa dạng về tự nhiên, văn hóa... (chủng loài thực vật, động vật, bản sắc văn hóa dân tộc...)
- Lồng ghép các chiến lược phát triển du lịch của địa phương với quốc gia
- Phải hỗ trợ kinh tế địa phương, tránh gây thiệt hại cho các hệ sinh thái ở đây
- Phải thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương. Điều này không chỉ đem lại lợi ích cho cộng đồng, cho môi trường sinh thái mà còn nhằm tăng cường khả năng đáp ứng các thị hiếu của du khách.
- Phải biết tư vấn các nhóm quyền lợi và công chúng. Tư vấn giữa công nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương, các tổ chức và cơ quan nhằm đảm bảo cho sự hợp tác lâu dài cũng như giải quyết các xung đột có thể nảy sinh.
- Đào tạo các cán bộ, nhân viên phục vụ trong hoạt động kinh doanh du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.
- Nghiên cứu hỗ trợ cho du lịch. Phải cung cấp cho du khách những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm nhằm nâng cao sự tôn trọng của du khách đến môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa khu du lịch, qua đó góp phần thỏa mãn các nhu cầu của du khách.

Cơ sở của phát triển bền vững trong du lịch sinh thái

- Giảm đến mức thấp nhất việc khánh kiệt tài nguyên môi trường: đất, nước ngọt, các thủy vực, khoáng sản... đảm bảo sử dụng lâu dài các dạng tài nguyên không tái tạo lại được bằng cách tái chế, tránh lãng phí, sử dụng ít hơn hoặc thay thế chúng. Như vậy, cần phải sử dụng tài nguyên theo nguyên tắc “nhu cầu sử dụng chúng không

vượt quá khả năng bù đắp (tái tạo) tài nguyên đó”.

- Bảo tồn tính đa dạng sinh học, bảo tồn tính di truyền của các loại động vật và thực vật nuôi trồng cũng như hoang dã. Đảm bảo việc sử dụng lâu bền bằng cách quản lý phương thức và mức độ sử dụng, làm cho các nguồn tài nguyên đó vẫn còn có khả năng hồi phục.

- Duy trì các hệ sinh thái thiết yếu, đảm bảo cho cuộc sống cộng đồng và nên nhớ rằng sức chịu đựng của các hệ sinh thái trên trái đất là có hạn.

- Nếu có điều kiện thì duy trì các hệ sinh thái tự nhiên. Hoạt động trong khả năng chịu đựng của trái đất. Phục hồi lại môi trường đã bị suy thoái, giữ gìn sự cân bằng các hệ sinh thái.

2. Sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên trong phát triển du lịch sinh thái

2.1. Định nghĩa về tài nguyên

Định nghĩa: “*Tài nguyên* là các dạng vật chất được tạo thành trong suốt quá trình hình thành và phát triển của tự nhiên, cuộc sống sinh vật và con người. Các dạng vật chất này cung cấp nguyên - nhiên vật liệu, hỗ trợ và phục vụ cho các nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của con người”.

“*Tài nguyên môi trường* là một loại tài nguyên trong đó bao gồm tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên có mặt trong một môi trường nhất định nào đó mà nó tham gia vào các quá trình hoạt động của môi trường đó”.

Môi trường tài nguyên (Environment of resources): trước hết, nó là một môi trường hoàn chỉnh của một dạng tài nguyên nào đó.

2.2 Tài nguyên của du lịch sinh thái

2.2.1. Các dạng tài nguyên DLST

Tài nguyên trong DLST được phân thành tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn có quan hệ mật thiết với các nhân tố con người và xã hội. Nói đến tài nguyên DLST, ta không thể không kể đến tài nguyên thiên nhiên; tuy nhiên, có sự gắn kết yếu tố du lịch vào trong tài nguyên nên được gọi là tài nguyên du lịch hay tài nguyên DLST. Như vậy:

“*Tài nguyên DLST là các yếu tố cơ bản để hình thành các điểm, các tuyến hoặc các khu DLST; bao gồm các cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử, giá trị nhân văn, các công trình sáng tạo của nhân loại có thể được sử dụng nhằm thỏa mãn cho nhu cầu về DLST.*

Lấy thiên nhiên và văn hóa bản địa làm cơ sở để phát triển, tài nguyên DLST là một bộ phận cấu thành trong tài nguyên du lịch, bao gồm các giá trị của tự nhiên thể

hiện trong một hệ sinh thái cụ thể và các giá trị văn hóa bản địa tồn tại và phát triển không tách rời khỏi hệ sinh thái tự nhiên đó. Tuy vậy, không phải bất cứ mọi giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa đều được xem là tài nguyên DLST, mà chỉ có các thành phần và các tổng thể tự nhiên, các giá trị văn hóa gắn với một hệ sinh thái cụ thể có thể được khai thác, được sử dụng để tạo ra các sản phẩm DLST, phục vụ cho mục đích phát triển du lịch nói chung, DLST nói riêng mới được xem là tài nguyên DLST.

Nói chung, tài nguyên DLST rất đa dạng và phong phú. Một số loại tài nguyên DLST chính thường được khai thác và phục vụ nhu cầu của khách DLST bao gồm:

- Các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù, đặc biệt là nơi có tính đa dạng sinh học cao với nhiều loại sinh vật đặc hữu, quý hiếm (các vườn quốc gia, các khu BTTN, các khu dự trữ sinh quyển...)
- Các hệ sinh thái nông nghiệp (vườn cây ăn trái, làng hoa...)
- Các giá trị văn hóa bản địa có sự hình thành và phát triển gắn liền với sự tồn tại và phát triển của hệ sinh thái tự nhiên như các phương thức canh tác, các lễ hội, sinh hoạt truyền thống dân tộc...

2.2.2 Đặc điểm của tài nguyên DLST

a. Tài nguyên DLST phong phú và đa dạng

Tài nguyên DLST được hình thành trên nền tảng các tài nguyên trong tự nhiên, mà bản thân tự nhiên thì rất đa dạng và phong phú, vì thế tài nguyên DLST cũng có chung đặc điểm này. Tài nguyên DLST bao gồm những hệ sinh thái đặc biệt, là nơi tồn tại, sinh trưởng và phát triển của nhiều loài sinh vật quý hiếm. Như vậy, tài nguyên DLST có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách

b. Tài nguyên DLST thường nhạy cảm với các yếu tố tác động:

So sánh với nhiều loại tài nguyên du lịch khác, tài nguyên DLST thường rất nhạy cảm đối với những tác động của con người. Bất kỳ một sự tác động nào làm thay đổi tính chất của tự nhiên hoặc một hợp phần của tự nhiên hoặc làm suy giảm hay mất đi một số loài sinh vật cấu thành nên hệ sinh thái nào đó dưới tác động của con người sẽ là nguyên nhân làm thay đổi và thậm chí làm biến mất hệ sinh thái đó và kết quả là một diễn thế sinh thái mới xuất hiện. Trong trường hợp này, tài nguyên DLST bị ảnh hưởng với những mức độ khác nhau.

c. Thời gian khai thác tài nguyên DLST là không đồng nhất:

Có loại tài nguyên DLST có thể khai thác được quanh năm, cũng có loại tài nguyên DLST khai thác theo thời vụ; chủ yếu dựa vào các yếu tố khí hậu, mùa di cư, sự sinh sản của các loài sinh vật... Ví dụ, do đặc trưng khai thác về cây ăn trái nên du khách chỉ có thể đến vườn cây ăn trái Lái Thiêu vào mùa rộ trái mà thôi, các mùa khác du khách đến sẽ mất đi tính chất DLST vườn cây ăn trái. Vì vậy, để khai thác tốt tiềm năng tài

nguyên DLST các nhà quản lý, các nhà điều hành DLST cần phải nghiên cứu và hiểu rõ tính chất thời vụ của các loại tài nguyên DLST để đưa ra những giải pháp hợp lý với mỗi hoàn cảnh khai thác

d. Tài nguyên DLST thường nằm xa các khu dân cư và thường được khai thác tại chỗ để tạo ra các sản phẩm du lịch:

Một đặc điểm có tính đặt trưng của tài nguyên DLST là chúng thường nằm cách xa các khu dân cư; bởi chúng sẽ nhanh chóng suy giảm, bị biến đổi, thậm chí không còn nữa, do tác động trực tiếp của người dân như săn bắn, chặt cây... nhằm thoả mãn cho các nhu cầu cuộc sống của mình. Điều này giải thích tại sao phần lớn tài nguyên DLST lại nằm trong phạm vi các KBTTN, các khu BTTN - nơi có sự quản lý chặt chẽ.

Khác với các loại tài nguyên khác, sau khi được khai thác có thể vận chuyển đi nơi khác để chế biến nhằm tạo ra sản phẩm rồi lại được đưa đến tận nơi tiêu thụ, tài nguyên du lịch nói chung, tài nguyên DLST nói riêng thường được khai thác tại chỗ để tạo ra các sản phẩm nhằm thoả mãn cho các nhu cầu của du khách. Trong một số trường hợp thực tế có thể tạo ra các vườn thực vật, các công viên với nhiều loài sinh vật đặc hữu trong môi trường nhân tạo để du khách tham quan, thưởng ngoạn. Tuy nhiên, các sản phẩm này chưa phải là sản phẩm của DLST đích thực, chúng được tạo ra nhằm thoả mãn nhu cầu du lịch của đại chúng, đặc biệt ở các đô thị lớn, nơi mà người dân ít có điều kiện đến các khu tự nhiên.

Do những đặc điểm trên nên có thể khai thác có hiệu quả tài nguyên DLST, cần thiết phải có được điều kiện hạ tầng cơ sở thuận lợi nhằm tiếp cận với các khu vực tiềm năng. Thực tế cho thấy những vườn QG, khu BTTN, miệt vườn, sân chim... nơi nào có vị trí địa lý thuận lợi, tiện đường giao thông thì hoạt động du lịch nói chung, DLST nói riêng sẽ phát triển hơn. Ngược lại, có nhiều tài nguyên DLST đặc sắc như hệ sinh thái núi cao Fanxipan, khu bảo tồn Bidoup- Núi Bà; hệ sinh thái đất ngập nước nội địa Hà Tiên, rừng tràm U Minh; hệ sinh thái rừng ngập mặn Năm Căn; hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới trên núi đá vôi ở khu bảo tồn Phong Nha Kẻ Bàng... còn chưa được khai thác xứng với tiềm năng và chưa thu hút được khách du lịch là do một số nguyên nhân, song chủ yếu là điều kiện giao thông và cơ sở hạ tầng còn gặp nhiều khó khăn

e. Tài nguyên DLST có khả năng tái tạo và sử dụng lâu dài

Phần lớn các tài nguyên du lịch, trong đó có tài nguyên DLST được xếp vào loại tài nguyên có thể tái tạo và sử dụng lâu dài. Điều này dựa trên khả năng tự phục hồi, tái tạo của tự nhiên. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều loại tài nguyên DLST đặc sắc như các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm hoàn toàn có thể biến mất do những tai biến tự nhiên hoặc do các tác động của con người. Vấn đề được đặt ra là cần phải nắm được các quy luật của tự nhiên, lường trước được những tác động của con người lên tự nhiên nói chung, lên tài nguyên DLST nói riêng để có những giải pháp, những định hướng để khai

thác một cách có hiệu quả; tôn tạo, bảo vệ và phát triển các nguồn tài nguyên nhằm đáp ứng cho việc phát triển du lịch. Đây cũng là yêu cầu sống còn của du lịch nhằm góp phần phát triển du lịch bền vững. Phát triển du lịch bền vững là một trong những yêu cầu cơ bản nhằm đảm bảo cho nguồn tài nguyên du lịch nói chung, DLST nói riêng ít bị tổn hại. Ngoài ra, phát triển du lịch bền vững càng làm cho các điểm du lịch và các khu du lịch trở nên hấp dẫn hơn, đáp ứng cho nhu cầu phát triển DLST trong hiện tại và tương lai.

2.2.3 Các bên tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái

- Các nhà hoạch định chính sách

Thường là các nhà khoa học làm công tác quy hoạch, xây dựng các chính sách phát triển DLST trong các viện nghiên cứu, cơ quan quản lý nhà nước với vai trò là nghiên cứu để xác định các định hướng phát triển phù hợp với tiềm năng và điều kiện thực tế, đề xuất các chính sách, giải pháp nhằm đảm bảo cho việc thực hiện những định hướng đó. Các phương án và giải pháp phải phù hợp để tối đa hóa lợi ích từ hoạt động phát triển DLST, đồng thời đảm bảo việc phát triển DLST phải như một công cụ hữu hiệu để phục vụ cho công tác bảo tồn (là mục tiêu được xem trọng hàng đầu trong phát triển DLST).

Quá trình tổ chức khai thác tài nguyên lãnh thổ để phát triển DLST thường được họ tiến hành theo các bước sau đây:

Quy hoạch phát triển DLST chỉ được xem xét để thực hiện trên những vùng lãnh thổ đặc trưng, đảm bảo các yêu cầu cần thiết. Quá trình thực hiện quy hoạch cần được tiến hành trong khuôn khổ của các quy định và luật pháp, sao cho Chính phủ chấp nhận các đề xuất được đưa ra.

Trên các vùng lãnh thổ được cân nhắc thì câu hỏi đầu tiên cần đặt ra là: “Loại hình DL này có được phép phát triển ở đây không?”. Nếu được thì vấn đề nghiên cứu tiếp theo là: “Hoạt động phát triển đến mức độ nào là phù hợp?”. Và căn cứ vào nguyên tắc của DLST để cân nhắc: “Những hoạt động DL được hoạch định phát triển có thể được coi là DLST không?”.

Các nhà hoạch định chính sách cần có được những hiểu biết về yêu cầu điều chỉnh giới hạn bảo vệ lãnh thổ khỏi các tác động của hoạt động DL, để một mặt phù hợp với quyền lợi thực tế của cộng đồng địa phương và mặt khác đảm bảo các lợi ích kinh doanh DL.

- Các nhà quản lý lãnh thổ

Hiện tồn tại 2 hệ thống quản lý là quản lý theo ngành (Cục Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và quản lý theo lãnh thổ (Chính quyền địa phương tỉnh, thành phố thuộc Trung ương).

Yêu cầu đầu tiên với họ là sự kiểm soát thường xuyên đối với sự biến đổi các hệ sinh thái và môi trường tự nhiên trong phạm vi được quản lý để có thể khai thác hiệu

quả tiềm năng lãnh thổ phục vụ phát triển DLST trên quan điểm bảo tồn và phát triển bền vững.

Họ cần phải có sự đánh giá đầy đủ về hiện trạng sinh thái môi trường, các tác động chủ yếu do hoạt động KT-XH của khu vực trước và trong quá trình phát triển DLST để có thể đề xuất những biện pháp thích hợp trong việc điều chỉnh và quản lý các tác động tiêu cực. Trong quá trình phát triển DL, việc tuyên truyền giáo dục cộng đồng là một trong những giải pháp quan trọng mà họ cần thực hiện nhằm khuyến khích người dân địa phương và các nhà điều hành DL có được những nỗ lực chung cho sự phát triển bền vững.

Họ cần kết hợp chặt chẽ với các nhà điều hành DL nhằm:

Đảm bảo hiệu quả của công tác điều hành DL trong những giới hạn cho phép.

Đảm bảo an toàn cho khách DL, trật tự XH ở khu vực quản lý.

Đảm bảo hiệu quả của hoạt động kinh doanh và qua đó đảm bảo sự đóng góp vào quá trình bảo tồn và phát triển bền vững ở lãnh thổ được quản lý.

Các nhà điều hành du lịch

Là những người có vai trò quan trọng trong việc tổ chức điều hành cụ thể hoạt động DLST, họ chịu trách nhiệm trực tiếp xác định các phương thức tiến hành hoạt động, lựa chọn địa điểm tổ chức DLST, xây dựng các chương trình tour trọn gói, xác định các dịch vụ có thể cung cấp cho khách với cơ chế giá cả cạnh tranh.

Trách nhiệm của họ là hết sức lớn vì họ phải đảm bảo lợi ích của tổ chức kinh doanh DL; đồng thời phải đảm bảo các nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững. Vì thế đòi hỏi họ phải có sự phối hợp chặt chẽ với các nhà quản lý, nhà quy hoạch và người dân địa phương.

- Hướng dẫn viên du lịch

Là những người được xem là cầu nối giữa khách DL và đối tượng DL để thỏa mãn các nhu cầu của khách; chất lượng những đóng góp của họ có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công hay thất bại của hoạt động DLST.

Họ phải là người có kiến thức, nắm được đầy đủ thông tin về môi trường tự nhiên, các đặc điểm sinh thái, văn hóa cộng đồng địa phương để giới thiệu một cách sinh động nhất, đầy đủ nhất với du khách về những vấn đề mà khách quan tâm.

Bên cạnh đó họ cũng phải là người có mối quan hệ đặc biệt với người dân địa phương nơi tổ chức hoạt động DL. Họ có thể là người dân địa phương hoặc nhà quản lý lãnh thổ-đặc biệt ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.

- Khách du lịch sinh thái

Khác với khách DL thông thường, khách DLST là những người quan tâm hơn cả đến những giá trị tự nhiên và giá trị nhân văn ở những khu vực thiên nhiên hoang dã nên họ có những đặc điểm cơ bản là:

Thường là những người đã trưởng thành, có thu nhập cao, có giáo dục và có sự quan tâm đến môi trường thiên nhiên.

Thường là những người thích hoạt động ngoài thiên nhiên. Tỷ lệ khách nam, nữ là ngang nhau và đây thường là những khách DL có kinh nghiệm.

Thường có thời gian đi DL dài hơn và mức chi tiêu/ngày nhiều hơn so với khách DL ít quan tâm đến thiên nhiên.

Họ không đòi hỏi thức ăn hoặc nhà nghỉ cao cấp, đầy đủ tiện nghi. Mặc dù họ có khả năng chi trả cho các dịch vụ này. Điều này phản ánh nhận thức của họ rằng “các cơ sở vật chất mà họ sử dụng ít ảnh hưởng nhất đến môi trường tự nhiên”.

B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THẢO LUẬN CHƯƠNG 1

1. Du lịch sinh thái là gì? Liệt kê các loại hình du lịch sinh thái? Cho ví dụ.
2. Như thế nào là du lịch sinh thái bền vững? Cơ sở của DLST bền vững.
3. Các biện pháp sử dụng tài nguyên trong DLST để đảm bảo phát triển bền vững.

C. GHI NHỚ

DLST là một hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên và định hướng về môi trường tự nhiên và nhân văn, được quản lý một cách bền vững và có lợi cho sinh thái. DLST bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi đó vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên và phát triển du lịch trong tương lai.

Để DLST phát triển bền vững cần phải : Bảo tồn tính đa dạng sinh học, bảo tồn tính di truyền của các loại động vật và thực vật nuôi trồng cũng như hoang dã; Duy trì các hệ sinh thái thiết yếu, đảm bảo cho cuộc sống cộng đồng và nên nhớ rằng sức chịu đựng của các hệ sinh thái trên trái đất là có hạn; Nếu có điều kiện thì duy trì các hệ sinh thái tự nhiên. Đó là những kiến thức mà người hướng dẫn viên du lịch cần phải ghi nhớ khi hành nghề.

CHƯƠNG 2

QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ DU LỊCH SINH THÁI

Giới thiệu: Không phải có tài nguyên về DLST thì có thể phát triển phát triển được loại hình du lịch này. Quá trình phát triển một điểm đến về DLST phải được cân nhắc, đánh giá mức độ tác động rất kỹ càng ở tầm vĩ mô và vi mô. Chương này sẽ cung cấp các kiến thức về quy hoạch và thiết kế DLST như tìm hiểu về khái niệm, các yêu cầu cần thiết để lựa chọn một khu vực để phát triển du lịch sinh thái; quy trình thực hiện quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái; các nguyên tắc của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái.

Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa về quy hoạch du lịch sinh thái;
- Mô tả được các yêu cầu cần thiết để lựa chọn một khu vực để phát triển du lịch sinh thái;
- Phân tích được những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch sinh thái;
- Áp dụng được các bước cơ bản của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái;
- Phân tích được các nguyên tắc của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái.

A. NỘI DUNG

1. Định nghĩa về quy hoạch du lịch sinh thái

Quy hoạch DLST là việc tổ chức phân chia các đơn vị không gian lãnh thổ trong phạm vi một khu vực có hệ sinh thái (HST) đặc trưng - thường là một khu có cảnh quan sinh thái đặc thù như các khu BTTN (BTTN) hoặc vườn quốc gia (VQG) sao cho vừa phù hợp với chức năng môi trường và điều kiện tự nhiên vốn có của nó, đồng thời vừa tổ chức được hoạt động DLST, bảo vệ và tôn tạo hệ sinh thái trên mỗi đơn vị ấy một cách hiệu quả nhất.

Mục đích của việc quy hoạch DLST là để đảm bảo rằng các khu bảo tồn tự nhiên gắn thêm chức năng DLST vào đó mà không gây xáo trộn quá lớn đến chức năng của khu bảo tồn tự nhiên đó. DLST sẽ thành công nếu tài nguyên thiên nhiên trong khu bảo tồn tự nhiên đó được bảo vệ. Tài nguyên thiên nhiên sẽ được bảo vệ một cách tốt nhất nếu có được một chiến lược quản lý, và các nhà quản lý khu bảo tồn tự nhiên và cộng đồng địa phương đóng một vai trò đi đầu trong chiến lược quản lý này.

Sở dĩ phải tiến hành quy hoạch vì hoạt động DLST là hoạt động thường được tiến hành ở những khu BTTN hoặc các VQG - nơi lưu trữ các giá trị ĐDSH của tự nhiên hay những hệ sinh thái có cảnh qua đặc thù. Đây là những khu vực khi thành lập đã có những quy chế phân vùng hợp lý, vì vậy, ta cần phải quy hoạch sao cho vừa phát triển DLST

vừa phù hợp với quy chế thành lập mà không ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên cũng như đời sống của các sinh vật trong từng đơn vị lãnh thổ ở các KBTTN hoặc các VQG.

2. Các yêu cầu cần thiết để lựa chọn một khu vực phát triển du lịch sinh thái

Một khu vực được ưu tiên lựa chọn để phát triển DLST cần phải có một số yêu cầu sau:

- Có cảnh quan tự nhiên đẹp, hấp dẫn, cùng với sự phong phú và độc đáo của các giá trị văn hoá bản địa, có tính đại diện cho một vùng.

- Có tính đại diện cao cho một hoặc vài HST điển hình, với tính ĐDSH cao, có sự tồn tại của những loài sinh vật đặc hữu có giá trị khoa học, có thể dùng làm nơi tham quan nghiên cứu.

- Gần với những khu du lịch khác trong vùng, để có thể tổ chức một tour du lịch trọn gói, trong đó khu vực được quy hoạch là một điểm DLST nổi bật và quan trọng.

- Có những điều kiện đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động DLST về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật... và có thể tiếp cận một cách dễ dàng, thuận lợi.

3. Những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch sinh thái

Mỗi một điểm du lịch đều có 3 đặc trưng cơ bản nhất đó là: Tính giao thoa, chu trình sống và khả năng chịu tải. Tuy nhiên, đối với một khu vực phát triển DLST thì yếu tố bền vững là chủ đạo, vì vậy, khái niệm chu trình sống được đặt vào vị trí thứ yếu trong lãnh thổ DLST. Do đó, 2 đặc tính quan trọng trong lãnh thổ DLST mà ta cần chú ý là: tính giao thoa và khả năng chịu tải.

- *Tính giao thoa hoá hợp nhưng độc lập tương đối*

Đây là một đặc tính thể hiện sự kết hợp giữa 2 yếu tố: không gian du lịch và không gian kinh tế – xã hội của cộng đồng địa phương. Đặc tính này đòi hỏi sự phối kết hợp giữa công tác quản lý môi trường và công tác quản lý kinh tế xã hội tại điểm du lịch. Nếu không biết khai thác sử dụng đặc tính này có thể mang lại hậu quả ô nhiễm môi trường khu du lịch, dẫn đến tình trạng “cha chung không ai khóc”. Ví dụ: việc xác định rác thải nào do dân địa phương thải ra lượng rác nào khách du lịch thải ra, điều đó thật khó xác định.

- *Khả năng tải (sức chứa) của điểm du lịch*

Khả năng tải là số lượng người cực đại mà HST ở khu du lịch có thể chấp nhận, không gây suy thoái hệ sinh thái tự nhiên, không gây xung đột xã hội giữa cộng đồng địa phương và du khách, không gây suy thoái nền kinh tế truyền thống của cộng đồng bản địa.

Từ khái niệm trên ta thấy, trong phát triển DLST khả năng tải là yếu tố quan trọng

hàng đầu, nó liên quan trực tiếp đến sự bền vững của khu du lịch và nó quyết định sự tồn tại của nền văn hoá bản địa. Khả năng tải của một điểm du lịch giải thích cho ta thấy một khu DLST chỉ chấp nhận một khối lượng khách và phương tiện chuyên trở nhất định. Ở đây ta xét đến 3 giá trị khả chịu tải:

- Khả năng chịu tải sinh thái
- Khả năng chịu tải xã hội
- Khả năng chịu tải kinh tế

Khả năng chịu tải sinh thái: Đó chính là áp lực sử dụng HST du lịch ở mức cực đại mà không xảy ra suy thoái, tức là bất cứ dấu hiệu suy thoái môi trường nào cũng đều chứng tỏ sự vượt quá ngưỡng của khả năng chịu tải. Có nhiều tác giả đưa ra những khái niệm khác nhau về khả năng chịu tải sinh thái, nhưng về nội dung chúng không khác nhau.

Khả năng chịu tải xã hội: Là số lượng du khách tham gia hoạt động DLST được cộng đồng địa phương chấp nhận (chịu đựng được). Số lượng này tùy thuộc vào giới hạn chấp nhận của cộng đồng chứ không phải là số lượng du khách được lãnh thổ du lịch thu hút. Theo cách hiểu trên thì khả năng tải xã hội có thể tăng được thông qua chương trình giáo dục du khách, giáo dục cộng đồng.

Khả năng chấp nhận phát triển kinh tế: Là khả năng chấp nhận các chức năng du lịch mà không gây phương hại đến các hoạt động mà địa phương mong đợi (O' Reilly, 1986). Điều đó có nghĩa là hoạt động kinh tế địa phương có thể chấp nhận hoạt động DLST và không mâu thuẫn với hoạt động kinh tế mà DLST mang lại. Ngược lại các hoạt động DLST và nguồn kinh tế mà DLST mang lại có thể gây phương hại đến các hoạt động kinh tế khác của địa phương thì có nghĩa là đã vượt qua khả năng tải.

Ba giá trị trên được đảm bảo trong khuôn khổ thì một khu du lịch sẽ trở thành khu DLST và ngược lại một khu DLST thì bao giờ các yếu tố trên cũng phải nằm trong giới hạn của nó. Trong quy hoạch DLST luôn luôn phải đảm bảo 3 yếu tố này.

4. Các bước cơ bản của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái

Quy hoạch phát triển DLST phải được tiến hành trong khuôn khổ quy hoạch quản lý tổng thể của khu vực thường là một làng quê đặc biệt có HST đặc trưng hay một khu BTTN, một VQG.

Quy hoạch và thiết kế DLST bao gồm các bước chủ yếu sau:

Bước 1: Thu thập và phân tích thông tin

Để chuẩn bị cho công tác quy hoạch và thiết kế DLST thu được hiệu quả cao, các thông tin cần thu thập là thông tin về tài nguyên DLST như tài nguyên về ĐDSH, các giá trị văn hoá bản địa, các di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng, các sản phẩm có tính

đặc trưng...Thông tin về khách du lịch, thông tin về các điều kiện có liên quan đến phát triển du lịch như hạ tầng cơ sở, kinh tế – xã hội,...Các dữ liệu sau đây cần được thu thập:

- Các loại, nguồn tài nguyên thiên nhiên của khu vực, đặc biệt là các giá trị ĐDSH, loài đặc hữu...Tất cả những giá trị đặc trưng của hệ sinh thái khiến nó được đầu tư xây dựng thành khu DLST, các thông tin quan trọng bao gồm loài nào là đặc hữu của vùng, số lượng và tình trạng hiện tại cũng như phân khu chúng thường tập trung nhiều nhất.

- Thông tin về các điểm/khu du lịch lân cận, liệt kê các điểm và số lượng khách/năm.

- Các thông tin về tình trạng cơ sở hạ tầng, dịch vụ của khu vực.

- Số liệu về lượng, loại khách, thị trường, lứa tuổi khách và các loại phương tiện khách sử dụng để đến tham quan.

- Các loại hình hoạt động du lịch và các sản phẩm du lịch chính (tham quan, thắng cảnh, nghiên cứu, cắm trại, picnic, thể thao, câu cá,...)

- Thời gian tập trung cao điểm hoạt động DLST

- Thời gian lưu trú trung bình của khách

- Mức độ thoả mãn của khách đối với các sản phẩm DLST và các đề xuất thay đổi

Bước 2: Xác định phạm vi không gian lãnh thổ

Dựa trên những thông tin thu được từ bước một, xác định phạm vi không gian lãnh thổ có thể tiến hành quy hoạch, thiết kế phát triển DLST trên địa bàn đó. Quy hoạch phát triển DLST cần chỉ rõ giới hạn về không gian được tiến hành các hoạt động DLST với mức độ khác nhau và phương án thực hiện cụ thể.

Việc xác định sức chứa của không gian du lịch sẽ là căn cứ để khống chế lượng khách đến khu vực, vì vậy, đây cũng là yếu tố cần xác định, trong đó có tính đến mức độ nguyên vẹn về tài nguyên, môi trường và khả năng phục hồi chúng dưới tác động của hoạt động du lịch. Bên cạnh đó việc xác định các phân vùng trong khu DLST cũng không kém phần quan trọng, cần phải vẽ phác thảo các phân vùng bằng cách đánh dấu mốc chính thức. Đây là bước quan trọng giúp cho việc định hướng tổ chức DLST, đưa khách đến điểm nào trước và thời gian cho mỗi điểm là bao lâu, nhưng cần phải lưu ý bố trí điểm tham quan sao cho không xuất hiện cảm giác nhàm chán trong lòng du khách.

Trong bước một cần đánh giá cụ thể đặc điểm của tài nguyên DLST để làm căn cứ lập ra các khu với chức năng khác nhau về hoạt động du lịch trong không gian được xác

định. Ngoài ra, để đảm bảo an toàn cho khu vực phát triển DLST cũng như để hoạt động DLST phát triển có hiệu quả cần phải chú ý đến việc thiết kế các cơ sở lưu trú cho phù hợp với khách DLST đến từ các nền văn hoá khác nhau. Trong phạm vi khu chức năng lưu trú, có thể thiết kế các loại nhà nghỉ và khách sạn phục vụ cho các loại khách DLST có sở thích khác nhau.

Bước 3: Xác định các mâu thuẫn

Dựa trên danh mục các nguồn tài nguyên và các dữ liệu thu thập được, phải xác định các mâu thuẫn sẽ nảy sinh khi sử dụng tài nguyên và tìm ra các phương án giải quyết các mâu thuẫn, thường là mâu thuẫn về khai thác nguồn tài nguyên vốn đã được sử dụng trong cuộc sống của người dân địa phương cho phát triển DLST.

Đây là bước quan trọng đầu tiên, làm căn cứ cho các bước triển khai đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh tiếp theo. Vì vậy, cần đưa ra một cơ chế dung hoà trong sử dụng nguồn tài nguyên và phát triển DLST cho phù hợp với cuộc sống và văn hoá địa phương.

Việc xác định mâu thuẫn này có tầm quan trọng trong công tác quy hoạch và thiết kế DLST, giúp các nhà quy hoạch hiểu rõ, xác định được nguyên nhân gây ra mâu thuẫn, từ đó có kế hoạch quy hoạch hợp lý việc sử dụng và khai thác tài nguyên cho phát triển DLST mà không làm ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên địa phương.

Bước 4: Lập kế hoạch phát triển DLST

Đây là công việc đòi hỏi sự phối hợp giữa các ngành chức năng với chính quyền địa phương, ban quản lý khu DLST và các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm tránh những mâu thuẫn về sử dụng lãnh thổ giữa hoạt động du lịch và hoạt động phát triển kinh tế khác.

Để làm được điều này cần phải gắn quy hoạch phát triển DLST với quy hoạch tổng thể phát triển lãnh thổ. Trong đó, việc quy hoạch phát triển DLST phải dựa trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất của cả vùng. Khi đưa ra kế hoạch khai thác, sử dụng đất cho phát triển du lịch phải xem xét trong mối quan hệ đến lợi ích kinh tế chung của vùng và tất nhiên lợi ích kinh tế này phải được cân nhắc nếu hoạt động phát triển DLST có thể dẫn đến những tác động tiêu cực đến cảnh quan, môi trường của vùng.

Tuỳ vào điều kiện của khu du lịch mà có thể quy hoạch và thiết kế để xây dựng một tuyến hoặc một cụm du lịch, thuận tiện cho du khách có thể tham quan tất cả các điểm kết hợp với nghỉ ngơi hợp lý.

Ban quản lý khu DLST cần phối hợp cùng các cơ quan chính phủ và chính quyền địa phương để xây dựng quy hoạch chi tiết phát triển DLST đối với các phân khu chức năng khác nhau trong tổng thể quy hoạch chung về phát triển DLST của khu vực này.

Để có căn cứ cho công tác quản lý quy hoạch, cũng như đưa ra các mô hình kiến trúc, kiểm soát và xử lý chất thải cần xây dựng những tiêu chuẩn cho việc phát triển các khu du lịch chức năng trong vùng.

Bước 5: Đề xuất các hướng dẫn trong quá trình xây dựng quy hoạch và thiết kế DLST

Trong quá trình xây dựng khu DLST cần nghiên cứu việc sử dụng các vật liệu và đưa ra các phương pháp xây dựng, nhằm hạn chế tối đa tác động của các hoạt động xây dựng phát triển du lịch sinh thái tới tài nguyên và môi trường, bởi nếu nhu cầu về nguyên liệu xây dựng để đáp ứng quy mô phát triển DLST đã được xác định trong quy hoạch vượt quá khả năng cung cấp có thể sẽ dẫn đến việc khai thác không hợp lý các nguồn tài nguyên khác của địa phương.

Mặt khác, trong hoạt động du lịch nói chung cũng như DLST nói riêng khó tránh khỏi tình trạng ô nhiễm. Vì vậy, cần phải có dự đoán về khả năng ô nhiễm. Với các nguồn gây ô nhiễm khác nhau, cần có những quy định riêng nhằm hạn chế tác động của chúng. Trong quy hoạch phát triển DLST cần phải chú trọng đến một số yếu tố sau:

- *Về nước cấp:* do nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của khách du lịch rất lớn thậm chí có thể cao hơn dân địa phương. Bên cạnh đó, có những khu DLST nguồn nước cấp còn phụ thuộc vào mùa mưa cũng như mùa du lịch, vì vậy phải bố trí hợp lý hệ thống cung cấp nước một cách phù hợp và hiệu quả nhất, tránh để xảy ra tình trạng lãng phí nước và sự xâm nhập của nước ô nhiễm. Trong quy hoạch và thiết kế DLST cần chú ý phân phối hợp lý nguồn nước cấp đến các phân khu khác nhau với những chức năng khác nhau trong khu DLST.

- *Về nước thải:* Cần phải đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải bên cạnh hệ thống các nhà vệ sinh được bố trí hợp lý, thuận tiện cho khách.

- *Về rác thải:* Cần phải đưa ra những quy định phù hợp đối với việc loại bỏ rác thải (có thể bố trí những chỗ ngồi nghỉ thuận tiện trên đường kèm theo thùng đựng rác) cũng như những biện pháp xử phạt cho du khách trong việc loại bỏ rác thải không đúng nơi quy định trong thời gian lưu trú ở khu du lịch (chi phí thu gom, xử lý...). Đồng thời, cần phải có những phương pháp thu gom và xử lý rác thải ở những nơi quy định theo quy hoạch bằng những phương pháp thích hợp.

- *Về không khí:* Quy hoạch và thiết kế một khu DLST cần chú trọng đến đường giao thông, tránh sự xả thải của khí xả từ động cơ xe máy, phương tiện chở khách ở những khu thiên nhiên môi trường trong lành.

- *Về hoá chất:* Hoá chất được sử dụng trong việc duy trì và phát triển các hệ sinh thái phục vụ cho phát triển DLST như hoá chất để chăm bón sân golf, trừ côn trùng gây hại... phải là những hoá chất tự phân huỷ, có khả năng thu gom, xử lý không làm ảnh

hưởng đến môi trường trong khu phát triển DLST.

- *Về tiếng ồn*: Các khu DLST thường là những nơi yên tĩnh, có phong cảnh đẹp. Vì vậy, để tránh những tác động không mong muốn của tiếng ồn đến du khách cũng như môi trường trong khu DLST cần có những nguyên tắc trong quy hoạch để đảm bảo các điểm tập trung phương tiện vận chuyển khác như sân bay, bãi ô tô,... được kiểm soát và nằm ở khoảng cách hợp lý đối với khu DLST.

- *Về năng lượng*: Để tránh sự lãng phí năng lượng, khi quy hoạch cần xây dựng lợi dụng ưu thế của cảnh quan và khí hậu tự nhiên có thể tạo lưu thông không khí tự nhiên, tranh thủ điều kiện sử dụng năng lượng mặt trời hoặc của gió (nếu có thể), đồng thời khi thiết kế các hotel, nhà nghỉ,... cần có hệ thống tự ngắt điện khi du khách ra khỏi phòng.

Bước 6: Tiến hành thực hiện quy hoạch và thiết kế DLST

Đây là công việc cần được cụ thể hoá bằng những kế hoạch cụ thể cho mỗi giai đoạn, mỗi vấn đề chính. Đòi hỏi ban quản lý KBTTN hoặc VQG phải xây dựng những quy định và kế hoạch điều hành cụ thể. Một số điểm cần lưu ý khi tiến hành quy hoạch và thiết kế một khu DLST:

○ *Trong quy hoạch mặt bằng*: cần giữ lại các cây quan trọng, hạn chế sự biến đổi cảnh quan tự nhiên. Hệ thống đường mòn cần phỏng theo hoặc tôn trọng lối đi lại, thói quen của động vật hoang dại và cần phải thưa, trong đó có kiểm soát xói mòn.

○ *Về xây dựng các công trình kiến trúc*: Sử dụng tối đa các kỹ thuật xây dựng của địa phương, vật liệu địa phương, hình dáng kiến trúc – văn hoá địa phương, xây dựng công trình phải dựa theo tiêu chuẩn môi trường địa phương dài hạn. Nên sử dụng các kiến trúc đơn giản, kích thước nhỏ và nếu sử dụng vật liệu xây dựng địa phương cần tính toán tác động môi trường.

5. Các nguyên tắc của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái

Khi quy hoạch hay thiết kế khu DLST hay muốn phát triển DLST cần phải nắm vững 4 nguyên tắc sau:

Nguyên tắc thứ nhất, yếu tố sinh thái môi trường đặc thù: khu DLST phải thật sự đại diện cho một loại hình sinh thái nhất định, có đủ sức hấp dẫn khách DLST.

Ví dụ: rừng ngập mặn Cần Giờ là điển hình cho khu rừng ngập mặn thứ sinh ven biển phía Nam của Việt Nam. Mặt khác, các nhà quy hoạch cũng cần xem xét khả năng tự làm sạch (self-purification) của hệ sinh thái ở đó như thế nào? Khả năng gánh chịu tải lượng ô nhiễm là bao nhiêu? Trong thời gian là bao lâu? Một số thành phần chủ yếu của môi trường có thể chịu sức ép của du khách đến đâu? Ví dụ: ở Đảo khỉ Cần Giờ, khỉ, trăn, cá sấu... ở đó có thể chịu được bao nhiêu du khách vừa đến xem, vừa chọ

phá. Giới hạn chịu đựng của cây rừng, nước, đất khi số lượng du khách gia tăng sẽ gây ô nhiễm, hư hại đến đâu cũng cần được tính toán kỹ lưỡng trong nghiên cứu quy hoạch DLST. Khi khu bảo tồn phải “cõng” lên lưng nó một nhiệm vụ nữa là phục vụ cho du lịch thì có nghĩa là phải gia tăng hệ thống giao thông, nhà nghỉ, nhà ăn, nhà vệ sinh, khu vui chơi, khu nghỉ ngơi... Vậy thì cần phải đánh giá tác động lên hệ sinh thái môi trường một cách nghiêm túc, chứ nhất thiết không thể qua loa như các loại hình du lịch khác. Một ví dụ nữa là: Ở rừng ngập mặn Cần Giờ có nên làm thêm đường bộ nữa hay không? Vì chúng ta biết, đối với các khu bảo tồn thêm một quãng đường đi là rút ngắn 5 lần quãng đường sinh tồn của nó. Mặt khác, hệ sinh thái rừng ngập mặn có tính chất đặc thù là rất nhạy cảm với mỗi một sự thay đổi nhỏ của môi trường bên ngoài tác động vào. Ví dụ: nó có yêu cầu nghiêm ngặt về chế độ triều ra vào trao đổi nước thường xuyên để cung cấp cho nhu cầu trao đổi khí, độ mặn không cao quá 300/00 nhưng không thấp quá 100/00. Vì vậy, khi lên liếp trồng cây, làm nhà, làm đường... cần phải hết sức lưu ý, nếu không thì cây rừng sẽ giảm sức sống, thậm chí sẽ chết. Cây chết thì mất nguồn cung cấp thức ăn cho thực vật phù du, khiến nó cũng chết theo và rồi khiến động vật phù du và sau đó là tôm cá cũng chết theo. Hệ sinh thái rừng ngập mặn lúc ấy sẽ bị tiêu hủy hoàn toàn. Nếu như ở các khu du lịch khác thì việc làm đường, lên liếp, đắp đập không mấy phải cân nhắc, thì ở đây điều đó là bức bách nhất. Bởi vì, đây là vùng đất phèn tiềm tàng (không độc), nếu đào xới lộ ra không khí lớp đất sinh phèn (pyrite) thì nó sẽ bị oxy hóa, cho ra phèn hoạt tính, rất độc cho sinh thái môi trường và con người. Quản trị hay hướng dẫn DLST nhất là sinh thái rừng ngập mặn đòi hỏi phải nắm thật chắc về chuyên môn “Sinh thái học phục vụ du lịch” (gọi tắt là “Sinh thái du lịch”). Cần nắm vững về từng “thành phần môi trường” và “môi trường thành phần” nước lợ – đất bùn mặn trên nền phèn tiềm tàng – cây non của hội đoàn rừng ngập mặn ở đây liên quan hết sức chặt chẽ với nhau. Cũng là rừng ngập mặn nhưng rừng ngập mặn ở Cần Giờ khác hẳn với rừng ngập mặn ở Cà Mau, Bạc Liêu, càng khác xa với rừng ngập mặn ở Quảng Ninh, Hải Phòng. Cũng cần xác định những nội dung đại diện nhất cho rừng ngập mặn Cần Giờ như “dây chuyền thực phẩm”, “dòng năng lượng”, “diễn thế sinh thái” ra sao? hiện trạng đang ở giai đoạn nào?, “cân bằng sinh thái” đã ổn định chưa?... để từ đó mới có những biện pháp quản trị thích hợp

Nguyên tắc thứ hai, yếu tố thẩm mỹ sinh thái: Những câu hỏi về thẩm mỹ trong DLST cần phải được nêu ra và giải quyết trọn vẹn trước khi quy hoạch và triển khai hành động.

Ví như, làm đường ghép bằng thân cây chà là trên các cây ngập mặn là nên, nhưng cấu trúc như thế nào để vừa bảo đảm mỹ quan vừa không để khách phá cây, chọc thú và xả rác (lon đồ hộp, bao nilong...) ngổn ngang trên cả cánh rừng. Cần có dự tính và khống chế lượng rác hữu cơ ngoại lai do du khách và người phục vụ thải ra. Bởi vì ở môi trường nước mặn, tàn tích hữu cơ rừng ngập mặn rất dễ bị phân huỷ để đưa chúng vào chuỗi thức ăn trong hệ sinh thái. Nhưng những dạng hữu cơ lạ khác, không có hệ vi

sinh vật thích hợp, sẽ cần thời gian khá dài mới phân huỷ hoàn toàn nên dễ gây nên mùi hôi và nhất là làm mất vẻ mỹ quan cho hệ sinh thái.

Ví dụ có một dự án làm hồ trữ nước ngọt cho khu dân cư và phục vụ cho các hoạt động du lịch. Đó là một ý tưởng rất hay, vừa mang tính thẩm mỹ sinh thái: tạo một cảnh quan sinh thái độc đáo, vừa mang tính kinh tế xã hội: cung cấp nước ngọt sinh hoạt cho vùng thiếu nước ngọt trầm trọng này. Tuy nhiên, cần cân nhắc kỹ hơn về cái được và cái mất (lợi ích và chi phí). Ta biết rằng, cây rừng ngập mặn chỉ thích nghi trong điều kiện ngập mặn và thời gian ngập theo chế độ thủy triều. Nếu thay đổi chế độ ngập khô xen kẽ của nó bằng cách chỉ ngập nước ngọt dưới 10% lâu dài, ngay cả khi không cho ngập mà chỉ giữ nước ngọt trong đoạn sông rạch thì một diện tích rộng lớn trong phạm vi ảnh hưởng của hồ nước ngọt, cây cối sẽ sinh trưởng kém, cảnh quan sẽ xơ xác, nằm ngoài sự mong đợi của chúng ta.

Mặt khác, cũng nên phân loại du khách: nghiên cứu, thưởng ngoạn hay vui chơi, thậm chí kể cả xác định lượng khách tối đa cho mỗi lần tham quan để không gây xáo trộn mỹ quan sinh thái, số người quá đông sẽ làm giảm sự hứng thú nghiên cứu, thưởng thức, tĩnh mịch hơi thở, tính thiên nhiên, lời tâm tình của núi rừng, nhất là rừng ngập mặn vốn rất hấp cảm và dễ bị tổn thương.

DLST xét về bản chất là làm tăng hứng thú và sự mong đợi. Nếu thẩm mỹ sinh thái bị phá hoại thì du khách sẽ dễ chán, dễ bỏ đi. Nhưng muốn tăng hấp dẫn thì phương pháp cổ điển nhất là làm phong phú hơn các loại hình du lịch; điều này lại dễ dẫn đến sự xâm hại đến mỹ quan sinh thái. Vậy thì đòi hỏi các nhà tổ chức phải cân nhắc thật kỹ các yếu tố này.

Nguyên tắc thứ ba, yếu tố kinh tế: khác với các loại hình hoạt động khác, việc xác định lợi ích từ du lịch chỉ dựa vào đơn thuần tổng thu nhập giờ đây không còn phù hợp nữa. Phát triển DLST ở các khu bảo tồn nói chung ở các khu DLST nói riêng phải chịu nguyên tắc chi trả phí tài nguyên và phí sinh thái.

Ví dụ, nếu chặt một cây thì phải trả phí giá trị tài nguyên của cây đó, cùng với phí làm cảnh quan môi trường ở đó xuống cấp. Mặt khác, DLST cũng nhằm mục đích nâng cao đời sống kinh tế của cư dân bản địa. Cũng cần tính đến việc huấn luyện dân địa phương biết chuyên môn về sinh thái du lịch, tạo công ăn việc làm cho họ. Xác định thế mạnh kinh tế của một địa bàn là DLST nhưng đây mới chỉ là tiềm năng. Muốn biến thành hiện thực nhất thiết phải nghiên cứu kỹ hơn.

Nguyên tắc thứ tư, yếu tố xã hội: khi biến khu bảo tồn thành “khu bảo tồn DLST” không quên mang theo một chức năng văn hóa xã hội. Điều có thể xảy ra là dễ có sự bất hoà giữa cư dân địa phương, truyền thống văn hóa, tập tục sinh hoạt của cư dân địa phương bị du khách, nhất là du khách chưa có ý thức cao làm xáo trộn, tổn hại. Phải gắn những hoạt động của du lịch với việc nâng cao nhận thức xã hội cho các cư dân địa

phương.

B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG 2

1. Nhận xét về Video tình huống thực tế. Nêu các nội dung chính trong công tác quy hoạch khu du lịch sinh thái.
2. Hãy nêu các yêu cầu cần thiết để lựa chọn một khu vực để phát triển DLST.
3. Như thế nào là sức chịu tải của khu DLST? Cho ví dụ.

C. GHI NHỚ

Quy hoạch DLST là việc tổ chức phân chia các đơn vị không gian lãnh thổ trong phạm vi một khu vực có hệ sinh thái đặc trưng - thường là một khu có cảnh quan sinh thái đặc thù như các khu bảo tồn tự nhiên hoặc vườn quốc gia sao cho vừa phù hợp với chức năng môi trường và điều kiện tự nhiên vốn có của nó, đồng thời vừa tổ chức được hoạt động DLST, bảo vệ và tôn tạo hệ sinh thái trên mỗi đơn vị ấy một cách hiệu quả nhất.

Mục đích của việc quy hoạch DLST là để đảm bảo rằng các khu bảo tồn tự nhiên gắn thêm chức năng DLST vào đó mà không gây xáo trộn quá lớn đến chức năng của khu bảo tồn tự nhiên đó.

Quá trình quy hoạch và thiết kế DLST phải xem xét đến : Tính giao thoa hoá hợp nhưng độc lập tương đối; Khả năng tải (sức chứa) của điểm du lịch.

Quy trình thực hiện quy hoạch và thiết kế DLST phải tuân thủ các bước:

Bước 1: Thu thập và phân tích thông tin

Bước 2: Xác định phạm vi không gian lãnh thổ

Bước 3: Xác định các mâu thuẫn

Bước 4: Lập kế hoạch phát triển DLST

Bước 5: Đề xuất các hướng dẫn trong quá trình xây dựng quy hoạch và thiết kế DLST

Bước 6: Tiến hành thực hiện quy hoạch và thiết kế DLST.

CHƯƠNG 3

HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

Giới thiệu: DLST là mối quan tâm của toàn xã hội chứ không riêng gì của những người quản lý và những người làm ngành du lịch. Đối những người làm trong ngành như hướng dẫn viên phải có sự hiểu biết sâu sắc những tác động lên môi trường của hoạt động du lịch sinh thái: đến tài nguyên thiên nhiên, đến tài nguyên sinh vật và môi trường ở các khu du lịch sinh thái, đến các mặt của đời sống xã hội, những sự cố, hiểm họa DLST, cách quản lý sự cố và hiểm họa môi trường trong loại hình du lịch này. Chương 3 sẽ trang bị các kiến thức, kỹ năng về những vấn đề nêu trên.

Mục tiêu:

- Phân tích được những tác động lên môi trường của hoạt động du lịch sinh thái: đến tài nguyên thiên nhiên, đến tài nguyên sinh vật và môi trường ở các khu du lịch sinh thái, đến các mặt của đời sống xã hội;
- Trình bày được các sự cố và hiểm họa du lịch sinh thái;
- Áp dụng được các bước quản lý sự cố và hiểm họa môi trường trong du lịch sinh thái.

A. NỘI DUNG:

1. Những tác động lên môi trường của hoạt động du lịch sinh thái

1.1. Tác động đến tài nguyên thiên nhiên

Ảnh hưởng đến tài nguyên nước: DLST phát triển kéo theo sự phát triển về khách sạn, nhà cho thuê, cửa hàng ăn uống và các dịch vụ khác làm tăng lượng nước thải sinh hoạt nhưng thường không được xử lý triệt để lâu ngày thấm vào nước ngầm làm ảnh hưởng đến nguồn nước giếng ở các địa phương. Bên cạnh đó, du khách đông lại vứt rác bừa bãi, dầu mỡ do phương tiện giao thông trên nước làm ảnh hưởng đến nước sạch ở các sông, hồ.

Ảnh hưởng lên tài nguyên không khí: Do lượng du khách ngày càng đông, hoạt động giao thông phục vụ cũng tăng theo nhưng hầu hết đều sử dụng các phương tiện cơ giới thô sơ như: thuyền, ghe máy, xe máy... nhất là vào những ngày nghỉ, các điểm du lịch gần như quá tải. Hàm lượng bụi, khói và các chất gây ô nhiễm không khí từ các hoạt động giao thông thường nằm dưới mức cho phép và bị hòa loãng nhanh nhưng các khu dân cư ven đường bị ảnh hưởng hàng ngày của bụi, khói, đặc biệt là tiếng ồn quá mức cho phép. Ngoài ra, một số hoạt động của du lịch như ăn uống thường diễn ra cùng một thời điểm, dẫn đến việc gia tăng bụi khói, làm nóng dần bầu không khí. Lượng nhiễm này hiện nay chưa được nghiên cứu cụ thể nhưng đã đến mức báo động và rất khó kiểm soát.

Ảnh hưởng lên tài nguyên đất: Phát triển du lịch sẽ kéo theo việc xây dựng kết cấu hạ tầng như khách sạn, các công trình phục vụ du lịch khác sẽ làm cho diện tích đất bị xâm lấn, thu hẹp. Ngoài ra, quy hoạch DLST không đúng nơi, xây dựng các công trình hạ tầng không đúng quy cách cũng làm cho tài nguyên đất bị phá vỡ.

Ảnh hưởng lên tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học: Hoạt động du lịch làm gia tăng lượng rác thải, một khi không có hoặc thiếu những phương tiện thu gom và dụng cụ chứa và xử lý rác sẽ gây ảnh hưởng không tốt cho môi trường sống xung quanh.

Ở một số KBTTN lượng khách du lịch hằng năm tăng cao nên cần có nhiều phương tiện, chỗ lưu trú, các dịch vụ khác để đáp ứng cho các nhu cầu của du khách cũng tăng theo, do đó thiệt hại về tài nguyên thiên nhiên càng tăng thêm. Do phá rừng xây nhà lưu trú, chặt gỗ bán ngày càng tăng... đã làm cho gỗ quý ngày càng cạn kiệt. Đây là một thiệt thòi lớn cho con người và khó có thể phục hồi lại.

1.2. Tác động đến tài nguyên sinh vật và môi trường ở các khu du lịch sinh thái

- Du khách tham quan trong một số khu rừng chưa được quản lý nghiêm ngặt thường đi thành từng đoàn khoảng 70 - 80 người. Họ ồn ào và xả rác trong rừng; điều này đã làm ảnh hưởng đến không gian và môi trường sống của một số loài động vật. Khi một loài động vật nào đó sống trong môi trường căng thẳng vì có đông du khách thì không bao lâu nó sẽ bị loại trừ ra khỏi môi trường đó. Đây là kết quả tất yếu của quá trình chọn lọc tự nhiên.

- Rác thải của những du khách sau một đợt nghỉ chân trong rừng sẽ làm ô nhiễm khu vực đó vì thường rác thải của họ để lại là những túi nilon, những hộp thiếc... các loại rác thải này rất khó phân hủy. Nếu chúng ta không có biện pháp quản lý, thu gom và xử lý thích hợp thì chỉ một thời gian ngắn thực vật và ngay cả các cây địa y cũng không mọc nổi vì mặt đất tràn đầy rác!

- Một số hành động thái quá của du khách như: chặt cây, bẻ cành, săn bắn chim thú và sự săn bắt tự do các thú rừng quý hiếm, hoang dã như nai, gấu, heo rừng, gà lôi lam... của người dân để phục vụ khách du lịch cũng là nguyên nhân làm giảm sút cả số lượng và chất lượng của sinh vật trong phạm vi khu du lịch.

- Các yếu tố ô nhiễm như rác và nước thải không được xử lý đúng mức sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hệ sinh thái dưới nước, việc tăng độ phú dưỡng ở các hồ chứa nước đã tạo điều kiện tích tụ nhiều bùn lầy, làm suy thoái chất lượng nước và ảnh hưởng đến động vật hoang dã.

- Ô nhiễm không khí do vận chuyển khách du lịch sẽ tác động đến sự tăng trưởng của nhiều loài sinh vật, thậm chí còn là nguyên nhân di chuyển nơi cư trú của nhiều loài động vật nhạy cảm với môi trường không khí.

- Việc phát triển thiếu quy hoạch các khu vực thuộc phạm vi các KBTTN hoặc vùng đệm có thể phá hủy môi trường cư trú, gây ô nhiễm và ồn ào ảnh hưởng đến các loài sinh vật.

- Ô nhiễm môi trường sống làm mất đi cảnh quan tự nhiên, làm cho một số loài động vật và thực vật dần dần bị mất nơi cư trú.

- Các hoạt động thể thao, cắm trại của du khách cũng có một phần tác động xấu đến việc bảo tồn và phát triển các loài sinh vật quý cần sự yên tĩnh như chúng phải thay đổi tập tính trở nên sợ sệt hoặc có thể chết.

1.3. Tác động đến các mặt của đời sống xã hội

1.3.1 Tác động du lịch đến kinh tế:

* Hoạt động du lịch có ba tác động quan trọng đối với kinh tế:

- Tăng nguồn thu ngoại tệ mạnh, tỉ lệ thuận với sự tăng hoặc giảm lượng du khách quốc tế.

- Tạo ra nhiều việc làm để vận hành bảo dưỡng các khu du lịch như đội ngũ hướng dẫn viên du lịch, những người canh gác rừng, những người làm công tác dịch vụ phục vụ du khách...

- Phát triển khu vực thông qua việc khai thác các khu riêng biệt

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt lợi thì du lịch cũng mang lại những mặt tiêu cực cho nền kinh tế:

- Lượng ngoại tệ nhập vào không tính được cụ thể. Bởi bản thân ngành du lịch cũng cần có những khoản chi ngoại tệ.

- Sự phát triển của một số hoạt động kinh tế phụ thuộc vào ngành du lịch không ổn định.

1.3.2. Tác động du lịch đến văn hóa - xã hội:

○ DLST tạo ra lượng du khách trong và ngoài nước càng đông gồm nhiều thành phần, nhiều giai cấp và thường rất khác với nếp sống, lối suy nghĩ của người dân địa phương. Hoạt động du lịch phát triển, người dân địa phương quan hệ nhiều với du khách lâu ngày sẽ làm thay đổi các hệ thống giá trị, tư cách, cá nhân, quan hệ gia đình, lối sống tập thể, những lễ nghi truyền thống và tổ chức của cộng đồng.

○ Sự phát triển DLST đem lại công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân nhưng nó cũng tác động đến việc di cư một lực lượng lao động. Nhập cư lao động là một hiện tượng khá phổ biến ở các khu du lịch. Lực lượng này nếu không quản lý tốt sẽ là mầm mống của tệ nạn và ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

○ Những việc làm trong ngành du lịch đòi hỏi lực lượng lao động đa số là phụ nữ

và trẻ em (buôn bán hàng rong, làm các hình ảnh, đồ thủ công mỹ nghệ của khu du lịch cho du khách). Do đó, vai trò người phụ nữ cũng thay đổi. Họ đã đi làm thay vì ở nhà trông con như trước đây.

Việc phát triển DLST còn nhằm giới thiệu với khách nước ngoài về văn hóa, lịch sử của dân tộc và sự giàu đẹp, đa dạng, phong phú của “rừng vàng, biển bạc” như trường hợp ở nước ta. Điều mà ai trong chúng ta cũng không khỏi tự hào.

2. Sự cố và hiểm họa của du lịch sinh thái

2.1. Định nghĩa sự cố và hiểm họa của du lịch sinh thái

Sự cố DLST là một trong những sự cố môi trường, vậy đề biết được sự cố DLST ta cần hiểu khái niệm sự cố môi trường là gì?. Sự cố môi trường là các biến cố rủi ro xảy ra trong các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của xã hội loài người hoặc sự biến đổi bất thường xảy ra của thiên nhiên mà các quá trình đó có thể làm suy thoái môi trường trầm trọng. Trong khi người ta quan niệm sự cố môi trường như là sự nảy sinh vấn đề thì hiểm họa môi trường là hệ quả của vấn đề nảy sinh đó.

Hàng ngày, hàng giờ trên trái đất xuất hiện rất nhiều sự cố và hiểm họa môi trường. Có khi sự cố và hiểm họa môi trường là do thiên nhiên, có khi sự cố và hiểm họa môi trường là do con người gây ra, có khi sự cố và hiểm họa môi trường do từ cả 2 phía.

Sự cố DLST cũng như sự cố môi trường, có thể diễn ra bất cứ khi nào. Tuy nhiên, tùy từng loại sự cố mà có thể dự đoán được hay không, sự cố xảy ra do sự quá tải, sự vượt ngưỡng hay vượt quá sức chứa về một yếu tố nào đó của khu DLST thì có thể dự đoán được phần nào mức độ thiệt hại.

Tuy nhiên, có những sự cố xảy ra đột ngột không thể báo trước, thường là do thiên nhiên gây ra

2.2. Các bước quản lý sự cố và hiểm họa của môi trường trong du lịch sinh thái

- Nhận dạng nguy cơ: Xác định những vấn đề nguy cơ bởi việc nhận dạng các yếu tố có thể xảy ra

- Tính toán nguy cơ: Dự tính các yếu tố nguy cơ có thể phát sinh và phát triển

- Phân tích hậu quả: xác định đầu ra và hệ quả của các nguy cơ (hiểm họa)

- Đánh giá sự cố: Tổng hợp các yếu tố về nhận dạng nguy cơ và phân tích hậu quả

- Đo lường sự cố và dự phòng các thảm họa

- Phân tán sự cố: cần xem xét làm thế nào để sự cố được tránh né có hiệu quả nhất, giảm thiểu và kiểm soát các sự cố và hiểm họa.

- Quan trắc các sự cố và tìm biện pháp phòng tránh các hiểm họa.

B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG 3

1. Xem các video tình huống, nhận xét về tác động của du lịch sinh thái lên môi trường.
2. Hãy lấy ví dụ cụ thể về các sự cố, hiểm họa do du lịch sinh thái mang lại.
3. Làm thế nào để hạn chế sự cố, hiểm họa do du lịch sinh thái.

C. GHI NHỚ

Hoạt động DLST là hoạt động dựa vào tự nhiên do đó, quá trình khai thác DLST không tránh khỏi những tác động tiêu cực đến tài nguyên nước, không khí, đất đai, tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học.

Hoạt động DLST một mặt tạo ra những tác động tích đến kinh tế - xã hội như gia tăng thu nhập, tạo công việc làm, bình đẳng giới,... tuy nhiên, cũng tạo ra những nguy cơ như nền kinh tế quá phụ thuộc vào du lịch hay tác động làm mai một các văn hóa địa phương, kéo theo các tệ nạn xã hội.

Để quản lý sự cố và hiểm họa của môi trường trong du lịch sinh thái cần phải biết: Nhận dạng nguy cơ; Tính toán nguy cơ; Phân tích hậu quả; Đánh giá sự cố; Đo lường sự cố và dự phòng các thảm họa; Phân tán sự cố; Quan trắc các sự cố và tìm biện pháp phòng tránh các hiểm họa.

CHƯƠNG 4

TÀI NGUYÊN CẢNH QUAN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI

Giới thiệu: Chương 4 cung cấp các quan điểm về cảnh quan, tài nguyên cảnh quan, các tác động của hoạt động DLST đối với cảnh quan. Trình bày các nguyên tắc cơ bản bảo vệ tài nguyên cảnh quan trong du lịch sinh thái. Giới thiệu một số loại cảnh quan tại Việt nam.

Mục tiêu:

- Nêu được định nghĩa cảnh quan và tài nguyên cảnh quan.
- Trình bày được các tác động du lịch sinh thái đối với cảnh quan.
- Phân tích được nguyên tắc cơ bản bảo vệ tài nguyên cảnh quan trong du lịch sinh thái.
- Tận dụng một tài nguyên cảnh quan trong phát triển du lịch sinh động.

A. NỘI DUNG:

1. Định nghĩa cảnh quan và tài nguyên cảnh quan

Tất cả mọi hoạt động sản xuất, kinh tế, xã hội của con người đều diễn ra trên bề mặt trái đất, nơi giao nhau của địa quyển, khí quyển và sinh quyển. Các quyển này tiếp xúc và tương tác với nhau tạo ra sự phân hóa những lãnh thổ tự nhiên khác nhau được gọi là *những tổng thể lãnh thổ tự nhiên*. Trong phạm vi quan sát thông thường, những lãnh thổ tự nhiên đó thường được gọi một cách thông dụng là *cảnh quan* (các thuật ngữ landscap - tiếng Anh, landschaft - tiếng Đức, Paysage - tiếng Pháp). Tài nguyên cảnh quan có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc quy hoạch và phát triển kinh tế cho từng khu vực nói chung và phát triển DLST nói riêng.

1.1. Cảnh quan

Năm 1947 L.X.Berg đã đặt nền móng cho nghiên cứu cảnh quan ở Liên Xô: "*Cảnh quan là tập hợp các đối tượng và hiện tượng mà trong đó các đặc tính của địa hình, khí hậu, thủy văn, lớp phủ thổ nhưỡng - thực vật, giới động vật và ở một chừng mực nhất định, của cả kết quả tác động của con người, đã hình thành một thể thống nhất hoàn chỉnh, được lặp lại một cách điển hình trên một đời nhất định nào đó của trái đất*". Sau đó, A.A.Xontxep (1962) đưa ra định nghĩa: "*Cảnh quan là một tổng hợp thể tự nhiên đồng nhất về mặt phát sinh, có một nền địa chất đồng nhất, một kiểu địa hình, một khí hậu giống nhau và bao gồm một tập hợp các cảnh dạng chỉnh và phụ quan hệ với nhau về mặt động lực và lặp lại một cách có quy luật trong không gian, tập hợp này chỉ thuộc riêng cho cảnh quan đó*".

A.G.Ixatsenko (1965) bổ sung định nghĩa cho cảnh quan đồng bằng, cảnh quan miền núi. Đến năm 1985, ông lại đưa ra khái niệm về cảnh quan: *Cảnh quan là bậc trung tâm trong dãy các hệ địa lý. Nó là khâu kết thúc trong sự phân vị khu vực và đồng thời là đối tượng khởi đầu để phân tích các quy luật địa lý tự nhiên địa phương gắn liền với hoạt động của các nhân tố địa lý bên trong cảnh quan*”,

Theo Vu Tự Lập, *cảnh quan địa lý là một địa tổng thể, được phân hóa ra trong phạm vi một phân đới ngang ở đồng bằng và một đai cao miền núi, có một cấu trúc thẳng đứng đồng nhất về nền địa chất, về kiểu địa hình, kiểu khí hậu, kiểu thủy văn, về địa tổ hợp thổ nhưỡng, đai tổ hợp thực vật và bao gồm một tập hợp có quy luật của những dạng địa lý và những đơn vị cấu tạo nhỏ khác theo một cấu trúc ngang đồng nhất.*

Từ phân tích các định nghĩa trên cho thấy ba quan niệm về cảnh quan mà sau do được áp dụng để chỉ các hình thức cảnh quan khác nhau phụ thuộc vào các quan điểm của người nghiên cứu:

1. Cảnh quan là tổng thể lãnh thổ tự nhiên (địa tổng thể) có quy mô không lớn, có sự lặp lại trong không gian, là một cấp phân vị cơ bản trong các cấp phân vị của phân vùng địa lý tự nhiên.

2. Quan niệm cũng như trên nhưng nhấn mạnh cảnh quan là cá thể riêng biệt không lặp lại, ở bên trong có những sự giống nhau về một số yếu tố hợp phần tự nhiên nào đó nên chúng có tính kiểu loại lặp lại trong không gian và phân loại chúng theo sự giống nhau đó.

3. Cảnh quan là khái niệm chung để chỉ các tổng thể lãnh thổ tự nhiên của bất kỳ quy mô nào có sự đồng nhất tương đối về một số hợp phần tự nhiên nào đó, chúng mang tính kiểu loại theo các chỉ tiêu (dấu hiệu) của sự đồng nhất tương đối đó.

Cả ba quan điểm đều giống nhau ở một điểm là coi cảnh quan như là một tổng thể tự nhiên, còn sự khác biệt là ở chỗ nên coi cảnh quan là đơn vị thuộc cấp phân vị nào. Phân lớn các tác giả tán thành quan điểm của L.S.Berg (*coi cảnh quan là một trong những đơn vị cấp thấp của phân vùng địa lý tự nhiên*)

Cảnh quan có thể nói đơn giản là *một bức tranh* trong một khung cảnh (Lê Huy Bá, 2004).

1.2. Tài nguyên cảnh quan

Tài nguyên cảnh quan là loại tài nguyên thiên nhiên mà trong đó chứa các đơn vị cảnh quan, các hệ sinh thái cảnh quan của một vùng địa lý nhất định, mang giá trị hữu ích cho sinh vật và con người (Lê Huy Bá, 2000).

Phân loại tài nguyên cảnh quan

- Cảnh quan tự nhiên: Là những cảnh quan không có sự tác động của con người hoặc các tác động không đáng kể

Ví dụ như các rừng nguyên sinh, bãi biển hoang sơ, đầm lầy nguyên sinh, các vườn quốc gia

- Cảnh quan nửa tự nhiên, nửa nhân tạo: Đây là những cảnh quan ở vùng đai rừng với các loại tự nhiên được quản lý và khai thác

Ví dụ như đồng cỏ, ruộng bậc thang, những khu rừng khai thác lấy gỗ.

- Những cảnh quan ruộng đồng nông thôn: Là những cảnh quan được khai thác để trồng trọt hay còn gọi là cảnh quan nông thôn.

- Cảnh quan làng mạc, đồi núi: Làng mạc là một nhóm nhà ở cùng nông thôn, lớn hơn bản làng, lán trại.

Ví dụ: Làng cổ Đường Lâm

2. Sử dụng tài nguyên cảnh quan trong phát triển du lịch sinh thái

Quy hoạch DLST dựa vào cảnh quan tự nhiên như cảnh quan rừng tràm Trà Sư, rừng ngập mặn Cần Giờ, rừng thông Đà Lạt,..

Phát triển DLST dựa vào tính đặc thù của cảnh quan tự nhiên của địa phương. Làng cổ Đường Lâm, miệt vườn, các trò chơi dân gian trong các phiên chợ tình

Phát triển DLST từ phát triển và giữ gìn yếu tố bản địa đặc sắc, ví dụ nghe nhạc dân gian trên sông Hương, nghe đờn ca tài tử trong vườn cây ăn trái, các trò chơi dân gian trong các phiên chợ tình..

Đảm bảo được tính phong phú, tự nhiên, hoang sơ trong cảnh quan để làm tăng sự hấp dẫn cho DLST

3. Các tác động du lịch sinh thái đối với cảnh quan

- Khi hoạt động du lịch phát triển, nếu không có sự kiểm soát các hiện tượng quá tải về du khách và gây mất cân bằng ở một khu BTN hay VQG thì nó tác động gián tiếp hay trực tiếp đến cảnh quan tự nhiên một cách rõ rệt nhất.

- Khi một khu du lịch phát triển, ở bước xây dựng nó tác động đến môi trường tự nhiên như: cảnh quan thay đổi do sự san lấp mặt bằng và nâng cao địa hình phục vụ việc xây dựng các công trình phục vụ du khách. Yếu tố địa hình thay đổi càng mạnh thì sự tác động đến cảnh quan đặc trưng càng lớn, vì địa hình là một trong những yếu tố cơ bản nhất trong việc hình thành và cấu trúc cảnh quan.

- Hoạt động du lịch diễn ra sẽ tác động đến nhiều mặt lên đời sống kinh tế và xã hội cộng đồng dân cư địa phương. Nó thể hiện ở sự thay đổi nhiều hay ít lên môi trường xã hội - nhân văn. Đời sống người dân sẽ được nâng cao, thu nhập của họ sẽ được khai

thác từ các hoạt động du lịch và các dịch vụ liên quan.

Môi trường văn hóa, xã hội cũng sẽ chịu nhiều tác động do sự du nhập văn hóa, xã hội của nhiều du khách từ các nền văn hóa khác nhau trong một nước cũng như trên thế giới... Tất cả những sự ảnh hưởng đó sẽ tác động lên môi trường kinh tế - xã hội của người dân bản địa. Chính vì thế, quan điểm của dân cư sẽ thay đổi và dẫn đến việc thay đổi hành vi đến môi trường tự nhiên và sẽ tác động theo những hướng khác nhau đến tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên cảnh quan nói riêng.

4. Nguyên tắc cơ bản bảo vệ tài nguyên cảnh quan trong du lịch sinh thái

- Sử dụng hợp lý tài nguyên cảnh quan cho DLST
- Giáo dục ý thức dân chúng, của du khách bảo vệ nét đẹp của cảnh quan
- Tạo cảnh quan bán nhân tạo kết hợp DLST
- Tạo tính đặc thù của cảnh quan không nơi nào có được để hấp dẫn du khách DLST
- Tôn tạo cảnh quan sao cho hài hòa với cảnh sắc xung quanh
- Lập hồ sơ lý lịch cho những cảnh quan du lịch điển hình để theo dõi sự thay đổi và có giải pháp bảo vệ
- Lập hồ sơ cho quốc tế công nhận là cảnh quan thế giới.

B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG 4

1. Cảnh quan là gì? Cho ví dụ một số cảnh quan trong DLST.
2. Như thế nào được gọi là tài nguyên cảnh quan? Sử dụng tài nguyên cảnh quan trong DLST cần chú ý điều gì?
3. Hãy nêu các tác động của DLST đến tài nguyên cảnh quan. Minh họa trong một tình huống cụ thể bằng cách lựa chọn phân tích tác động đến tài nguyên cảnh quan trong ở một khu DLST tại Việt Nam.
4. Làm thế nào để bảo vệ tài nguyên cảnh quan trong du lịch sinh thái.

C. GHI NHỚ

Cảnh quan có thể nói đơn giản là một bức tranh trong một khung cảnh. Tài nguyên cảnh quan là loại tài nguyên thiên nhiên mà trong đó chứa các đơn vị cảnh quan, các hệ sinh thái cảnh quan của một vùng địa lý nhất định, mang giá trị hữu ích cho sinh vật và con người. Cảnh quan trong DLST có nhiều loại như: Cảnh quan tự nhiên; Cảnh quan nửa tự nhiên, nửa nhân tạo; Những cảnh quan ruộng đồng nông thôn; Cảnh quan làng mạc, đồi núi.

Sử dụng cảnh quan trong phát triển DLST phải chú ý: Quy hoạch DLST dựa cảnh quan tự nhiên; Tính đặc thù của cảnh quan tự nhiên của địa phương; Phát triển và giữ gìn yếu tố bản địa đặc sắc; Đảm bảo được tính phong phú, tự nhiên, hoang sơ trong cảnh quan.

Để bảo vệ tài nguyên cảnh quan trong DLST cần phải: Sử dụng hợp lý tài nguyên cảnh quan cho DLST; Giáo dục ý thức dân chúng, của du khách bảo vệ nét đẹp của cảnh quan; Tạo cảnh quan bán nhân tạo kết hợp DLST; Tạo tính đặc thù của cảnh quan không nơi nào có được để hấp dẫn du khách DLST; Tôn tạo cảnh quan sao cho hài hòa với cảnh sắc xung quanh; Lập hồ sơ lý lịch cho những cảnh quan du lịch điển hình để theo dõi sự thay đổi và có giải pháp bảo vệ; Lập hồ sơ cho quốc tế công nhận là cảnh quan thế giới.

CHƯƠNG 5

CÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH SINH THÁI Ở VIỆT NAM

Giới thiệu: Mỗi quốc gia khác nhau có những đặc điểm về vị trí địa lý, khí hậu, tự nhiên khác nhau. Do đó, tài nguyên về DLST cũng có nhiều khác biệt. Việt Nam với đường biên giới biển dài, là nước có khí hậu nhiệt đới, tài nguyên thiên phong phú rất thích hợp để phát triển các loại hình DLST. Chương 5 sẽ giới thiệu cho sinh viên các loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam, tình hình phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam và định hướng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

Mục tiêu:

- Trình bày được các loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam;
- Phân tích được một số điểm du lịch sinh thái ở Việt Nam;
- Trình bày được tình hình phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam;
- Đánh giá được định hướng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

A. NỘI DUNG

1. Các loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam

1.1. Du lịch dã ngoại, tham quan, giải trí, nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng

Loại hình du lịch này phục vụ khách du lịch thuần túy chỉ đơn giản là tìm về với thiên nhiên có không khí trong lành tươi mát, để được hoà mình với thiên nhiên hoang dã, rừng xanh suối mát, bãi biển mênh mông, tha hồ đùa giỡn với sóng nước, thư giãn tâm hồn sau những ngày học tập và làm việc vất vả, căng thẳng. Loại hình du lịch này có thể thu hút mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội trong và ngoài nước và thường đến những KBTTN, các khu vui chơi giải trí... có cảnh quan thơ mộng, có nhiều biệt thự để nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng.

1.2. Du lịch tìm hiểu, nghiên cứu theo chuyên đề sinh thái, lịch sử, khảo cổ, văn hóa

Loại du lịch này dành cho các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học, sinh viên, học sinh yêu thích tìm hiểu về thiên nhiên, các cán bộ nghiên cứu các đề tài khoa học, các vấn đề liên quan đến lịch sử, văn hóa, sinh thái, đời sống của các loài động thực vật... của vùng đất rừng ngập mặn, vùng sinh quyển... Du khách tham gia loại hình du lịch này thường đến các KBTTN có hệ sinh thái đặc biệt, có loài động, thực vật quý hiếm hay các khu di tích lịch sử, các khu di sản văn hóa thế giới...

1.3. Du lịch hội nghị, hội thảo

Một số KBTTN có hệ sinh học đa dạng, đặc biệt, có các loài thú quý hiếm có

nguy cơ tuyệt chủng, một số di sản văn hóa, lịch sử thế giới thu hút các nhà đầu tư thế giới hoặc các nhà nghiên cứu sinh thái, thực vật, động vật,... đến để bàn luận về các vấn đề mà cả thế giới đang quan tâm và giúp đỡ Việt Nam trong qui hoạch, bảo vệ những di sản thế giới.

1.4. Du lịch về thăm chiến trường xưa

Loại hình du lịch này dành cho du khách là những chiến sĩ trong và ngoài nước đã từng sống, chiến đấu ở các vùng rừng, núi, hải đảo trong chiến tranh. Sau thời gian chuyên công tác hoặc đi kinh tế mới ở nơi khác muốn trở về nơi xưa để ôn lại những kỷ niệm một thời. Hoặc du khách ngưỡng mộ cuộc chiến đấu của dân tộc, hay sinh viên, học sinh đến đây để nghe thuyết minh viên địa phương kể về những cuộc chiến đấu và các chiến công hiển hách của quân dân ta. Du khách thường đến những KBTTN có căn cứ cách mạng hay các khu di tích lịch sử.

1.5. DLST rạn San hô

Du lịch tham quan các hệ sinh thái san hô là một hình thức du lịch khá mới mẻ, có tính hấp dẫn cao và thu được nhiều lợi nhuận. Việc tận dụng các rạn sinh thái san hô cho phát triển DLST là hình thức bảo tồn không chỉ cho các tảng đá san hô mà cho cả những sinh vật biển sống nhờ các bãi đá này (theo ước tính 1/3 cá ven biển liên kết với những tảng san hô). Hệ sinh thái san hô là hệ sinh thái phong phú nhất trên trái đất, nó được ví như những khu rừng nhiệt đới về sự đa dạng và mức độ sinh sản.

Các bãi đá san hô được hình thành và phát triển ở những vùng nước trong, ấm hoặc nóng và nghèo chất dinh dưỡng, điển hình là vùng biển nhiệt đới và cận nhiệt đới. Những tảng san hô này gồm những lớp đá vôi tạo nên bộ xương ngoài có sự đan kết chặt và có tầng vôi của san hô. Những tảo đỏ canxi kết hợp với những sinh vật khác tạo nên cấu trúc sơ cấp của rạn san hô. Những tảng san hô có nhiều hình dạng khác nhau, chủ yếu có tua. Chúng là những hệ sinh thái chưa hoàn chỉnh và rất nhạy cảm nên việc dự đoán và quản lý là rất khó khăn.

Trong những năm gần đây do sự nóng lên của toàn cầu, sự ô nhiễm môi trường từ các hoạt động ven biển và sự khai thác quá mức của con người đã làm suy thoái và biến mất nhiều rạn san hô có tầm quan trọng và với quy mô không nhỏ. Điển hình là năm 1998, ở An Độ Dương, phía Tây Thái Bình Dương gần Philippines và Indonesia, phía Đông Thái Bình Dương xung quanh các đảo Galapagos, phần lớn san hô đã chết do nhiệt độ tăng thêm 2,4 °C so với bình thường. Hiện có khoảng 300 rạn san hô ở 65 quốc gia (thuộc các nước nhiệt đới và cận nhiệt đới) đang được bảo vệ ở những công viên ven biển. Đây là nguồn tài nguyên quý giá, là cơ sở cho các khu DLST rạn san hô ra đời.

Ở Việt Nam nguồn tài nguyên này phân bố rải rác ở một số vùng ven biển phía Bắc (95 loài, thuộc 35 giống, 13 họ) và phía Nam – miền Trung và Vịnh Thái Lan (255 loài thuộc 69 giống). Như vậy số lượng các loài san hô ở Việt Nam cũng khá giàu. Ngoài

ra, cấu trúc hệ sinh thái san hô của nước ta khá đa dạng, điển hình nhất là các kiểu rạn riềm hở, kín và nửa kín ở ven biển miền Trung; kiểu rạn đáy cứng, đáy xốp ở vùng vịnh Thái Lan; kiểu rạn nền và kiểu đảo san hô ở vùng khơi. Sự phân bố các hệ sinh thái san hô ở Việt Nam có sự khác biệt rõ rệt giữa vùng biển phía Bắc và vùng biển phía Nam. San hô ở vùng biển phía Bắc kém phát triển hơn, nghèo về thành phần loài, kém đa dạng về cấu trúc rạn, về độ lớn và độ phủ của các rạn.

Mặc dù vậy, cho tới nay những nghiên cứu về quần xã sinh vật rạn san hô ven biển Việt Nam chưa toàn diện và đầy đủ, đặc biệt là đánh giá sinh vật lượng các hệ sinh thái. Do vậy, để tổ chức các điểm du lịch sinh thái thủy cung cũng như DLST rạn san hô cần có nghiên cứu chi tiết một số điểm trên một vùng với sự tham gia của nhiều ban ngành để tìm ra các điểm tham quan tiêu biểu, đặc sắc và hấp dẫn của mỗi vùng sinh thái. Từ đó, có thể khai thác, tận dụng tốt nét đặc trưng của các vùng sinh thái khác nhau cho hoạt động phát triển DLST rạn san hô. Để làm được điều này, cần phải có những quy định, chính sách ưu tiên nhiều hơn nữa cho vấn đề bảo vệ, duy trì và phát triển các hệ sinh thái này.

2. Sơ lược về một số điểm du lịch sinh thái ở Việt Nam

Du lịch sinh thái thường lấy các vườn quốc gia, các khu BTTN, hay rừng phòng hộ môi trường, các di sản văn hóa, lịch sử và các vườn chim, các khu giải trí do con người tạo nên làm địa điểm để phục vụ du khách.

2.1. Vườn quốc gia

* Vườn quốc gia là vùng đất tự nhiên được thành lập để bảo vệ lâu dài 1 hay nhiều hệ sinh thái, phải bảo đảm các yêu cầu:

- Phải bao gồm mẫu chuẩn của các hệ sinh thái cơ bản (còn nguyên vẹn hoặc ít bị tác động) các nét đặc trưng về sinh cảnh của các loài động vật thực vật, các khu địa mạo có giá trị về mặt khoa học, giáo dục du lịch.

- Phải đủ rộng để chứa đựng được một hay nhiều hệ sinh thái không bị thay đổi bởi những tác động tiêu cực của con người, tỉ lệ diện tích của hệ sinh thái tự nhiên phải đạt từ 70% trở lên.

- Có điều kiện về giao thông để tiếp cận tương đối thuận lợi.

Theo hệ thống phân hạng BTTN của thế giới (IUCN): “*Vườn quốc gia là những khu vực rộng lớn có vẻ đẹp thiên nhiên (ở bờ biển hay ở đất liền) được giữ gìn để bảo vệ một hoặc một vài hệ sinh thái đặc biệt. Đồng thời được dùng cho các mục đích giáo dục, nghiên cứu khoa học, nghỉ ngơi giải trí và tham quan du lịch*”.

Theo sự phân loại rừng đặc dụng ở nước ta của Bộ Lâm nghiệp (1986): “*Vườn quốc gia là khu bảo vệ có giá trị sử dụng toàn diện về các mặt bảo vệ thiên nhiên, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích văn hóa, phục vụ tham quan du lịch*”.

Hiện nay, không chỉ trên thế giới mà ở nước ta Chính phủ đang rà soát, sắp xếp lại và ra sức tu sửa, bảo vệ các khu BTTN. Tính đến thời điểm tháng 5/2002, tổng số vườn quốc gia đã lên tới 10 vườn nằm trên ba miền của đất nước.

2.2. Các khu BTTN, di sản văn hóa, lịch sử

Hiệp hội BTTN quốc tế (IUCN) và Bộ Lâm nghiệp của nước ta đã xây dựng một hệ thống phân loại các khu bảo tồn trong đó định rõ mức độ sử dụng tài nguyên như sau:

“Khu BTTN là những khu được bảo vệ nghiêm ngặt, chỉ dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo và quan trắc môi trường. Các khu BTTN này cho phép gìn giữ các quần thể của các loài cũng như các quá trình của hệ sinh thái không hoặc ít bị nhiễu loạn”. Hiện nay, ở nước ta có 64 khu BTTN ở khắp 3 miền của đất nước, trong đó một số khu có quy hoạch nơi để hoạt động du lịch sinh thái.

Di sản văn hóa, lịch sử là những khu có các di tích lịch sử, văn hóa và các cảnh quan có giá trị thẩm mỹ như Vịnh Hạ Long, phố cổ Hội An, cố đô Huế, địa đạo Củ Chi, Bến Dược... thường hấp dẫn du khách tham quan và nghiên cứu.

Khu quản lý nơi cư trú của sinh vật hoang dã là khu có những điểm tương tự với các khu bảo tồn nghiêm ngặt nhưng cho phép duy trì một số hoạt động để đảm bảo nhu cầu đặc thù của cộng đồng. Ở Việt Nam có Thảo cầm viên Tp Hồ Chí Minh và Hà Nội là những nơi thu hút nhiều đối tượng du khách tham quan, học hỏi, nghiên cứu.

Khu bảo tồn cảnh quan trên đất liền và trên biển được thành lập nhằm bảo tồn các cảnh quan. Ở đây cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên theo cách cổ truyền, không có tính phá hủy. Đặc biệt, tại những nơi mà việc khai thác, sử dụng tài nguyên đã hình thành nên những đặc tính văn hóa, thẩm mỹ và sinh thái học đặc sắc. Một số nơi này tạo nhiều cơ hội phát triển cho ngành du lịch sinh thái.

Các khu bảo tồn sinh quyển và các khu dự trữ nhân chủng học: tiêu biểu như vùng sinh quyển Cần Giờ được thành lập để bảo tồn tài nguyên thiên nhiên nhưng vẫn cho phép các cộng đồng truyền thống được quyền duy trì cuộc sống của họ mà không có sự can thiệp từ bên ngoài. Thông thường, cộng đồng trong một chừng mực nhất định vẫn được phép khai thác các tài nguyên để đảm bảo cuộc sống của chính họ.

2.3. Các vườn chim, các khu vui chơi do con người tạo nên để tham quan du lịch

Con người ngày càng khao khát hít thở không khí trong lành, thoáng mát, thích gần gũi với thiên nhiên có núi rừng xanh tươi, thơ mộng, có các loài thú hoang dã để

tâm hồn được sáng khoái, thanh thản. Từ đó, thúc đẩy ngành du lịch sinh thái ngày càng phát triển mạnh mẽ và kích thích một số nhà kinh doanh có tâm hồn yêu quý thiên nhiên đầu tư loại hình này. Ban đầu thường là từ những vườn chim của những người yêu quý loài vật nuôi dưỡng hay bảo vệ các loài chim muông để giải trí như dơi, cò, cá sấu... hoặc những khu vui chơi giải trí đơn thuần rồi dần dần mở rộng, nâng cấp tự tạo thành những khu vườn có cây cảnh, có núi rừng, sông hồ, thác lũ và các loài thú hoang dã gần giống với tự nhiên để thu hút du khách thích loại hình DLST.

3. Định hướng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam

3.1 Tình hình phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam

Những năm trước đây

Du lịch sinh thái tuy có góp phần rất lớn làm tăng trưởng tốc độ du lịch nước nhà trong những năm qua nhưng con số cụ thể thu được từ hoạt động du lịch này chưa được thống kê cụ thể.

Chính sự phát triển nhanh của ngành du lịch nên các quốc gia trên thế giới tập trung đẩy mạnh du lịch. Việt Nam có những bước đầu tư để đa dạng các loại hình du lịch như: du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thám hiểm, du lịch văn hóa lễ hội, du lịch tắm biển, du lịch xanh (du lịch đồng quê) đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển DLST

Nhà nước cũng đã từng bước nâng cấp một số khu BTTN thành vườn quốc gia để thu hút đầu tư nước ngoài và hấp dẫn du khách trong và ngoài nước như KBTTN Bạch Mã (1991), Tràm Chim (1998), Cát Bà (1991), Nam Cát Tiên (1992). Đồng thời sắp xếp lại các khu BTTN để tăng cường các điểm DLST.

Tình trạng hiện nay

Thuận lợi

Nhu cầu muốn trở về thiên nhiên ngày càng trở nên bức bách. Do đó, DLST đã trở thành ngành “công nghiệp không khói” đang được Nhà Nước đặc biệt quan tâm đầu tư vừa để phát triển du lịch vừa để bảo vệ hệ sinh thái và phát triển bền vững. Vì nước Việt Nam ta có vị trí địa lí thuận lợi được thiên nhiên ưu đãi như có rừng, có núi, có sông biển giàu đẹp, với hệ sinh thái đa dạng, phong phú, đặc trưng tập trung các loài động vật, thực vật quý hiếm được ghi vào sổ đỏ thế giới hoặc có những di sản thế giới. Ngoài ra, còn có tài nguyên du lịch văn hóa như đình chùa, di tích lịch sử, di tích khảo cổ, lễ hội...

Nhà nước tiếp tục nâng cấp các khu BTTN thành Vườn quốc gia để tạo điều kiện cho sự phát triển của du lịch sinh thái.

Khó khăn

- Tại các KBTTN công việc xây dựng các khu vực theo từng chức năng chưa được

rõ ràng, chi tiết, cụ thể.

- Việc xây dựng cơ sở vật chất như đường sá, nhà nghỉ... chưa đáp ứng đầy đủ các nhu cầu ngày càng cao của du khách.

- Thiếu nguồn nhân sự về chuyên môn, quản lý và ngay cả những người làm bảo vệ.

- Thiếu nguồn vốn đầu tư trong nước cũng như nước ngoài cho việc quy hoạch các dự án du lịch và công tác xây dựng hệ sinh thái rừng ở các khu DLST.

- Chưa có luật về du lịch sinh thái

- Đầu tư vào phát triển cho việc bảo tồn và chăm sóc các khu DLST chưa ngang tầm với nhiệm vụ được giao.

- Thiếu sự tư vấn của ngành để kêu gọi đầu tư phát triển, nghiên cứu khoa học và tổ chức khoa học trong và ngoài nước để phục vụ cho việc bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái rừng cũng như hoạt động du lịch sinh thái.

- Thu nhập của cán bộ, nhân viên phục vụ du lịch, nhân viên bảo vệ và chăm sóc rừng còn thấp.

- Người dân có trình độ dân trí thấp lại nghèo nàn lạc hậu cũng gặp khó khăn cho việc bảo vệ rừng và phát triển du lịch sinh thái.

- Lực lượng kiểm lâm còn ít so với diện tích rừng quá lớn ở các khu DLST hiện nay.

- Quy hoạch và phát triển du lịch mà không phá vỡ cảnh quan thiên nhiên hiện chưa được quan tâm đến tác hại sau này.

3.2. Định hướng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam

3.2.1 Phát triển các loại hình DLST

Các khu DLST ở Việt Nam có hệ sinh thái đa dạng, phong phú và mang nhiều sắc thái độc đáo riêng. Tùy theo khu du lịch mà ta tổ chức hướng dẫn, giới thiệu các loại hình du lịch sinh thái phù hợp như:

- Tham quan, nghiên cứu các hệ sinh thái đặc thù, điển hình và các loài thú quý hiếm

- Tham quan, nghiên cứu về khảo cổ, văn hóa

- Giải trí, nghỉ ngơi, tinh dưỡng, hội họp

- Du lịch mạo hiểm trong rừng.

- Tìm hiểu các phong tục tập quán của các dân tộc ít người

- Tìm hiểu về các chiến công lịch sử của dân tộc
- Du lịch ngắn ngày, dài ngày

3.2.2 Phát triển các tuyến điểm DLST:

Dựa vào vị trí địa lý của các khu DLST có giá trị gần nhau hay thuận tiện giao thông, ta nên tổ chức các tuyến điểm du lịch chủ yếu để thu hút khách du lịch.

3.2.3. Phát triển DLST tại các KBTTN

Chọn các KBTTN để làm khu DLST vì nơi đây tập trung cao về sự đa dạng sinh học. Do vậy, để phát triển DLST tại các khu này cần có những định hướng cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng vùng và phù hợp với những nguyên tắc phát triển chung. Đặc biệt, cần nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, phương tiện giao thông, dịch vụ phục vụ thuận lợi, tiện nghi, hiện đại tạo ra sự thoải mái, an tâm cho du khách.

3.2.4 Phát triển các đại lý du lịch, các nhà điều hành tour du lịch nhập

Để thu hút được đông đảo du khách mọi nơi, mọi tầng lớp trong nước và lượng du khách nước ngoài ta cần phải phát triển các đại lý du lịch ở khắp nơi trong nước, tăng cường quảng cáo, giới thiệu và phát triển các nhà điều hành tour du lịch cho khách nước ngoài ở các thành phố lớn.

3.2.5 Phát triển mạng lưới thông tin liên lạc và phương tiện giao thông

+ Mở rộng địa bàn quảng cáo, tiếp thị đến các vùng sâu, vùng xa, cho mọi tầng lớp trong và ngoài nước có điều kiện hưởng ứng phong trào DLST, giới thiệu bằng nhiều hình thức dễ hiểu, đơn giản nhưng hấp dẫn trong phim video, đài, Tivi, báo chí, internet...

+ Tăng cường các loại xe hiện đại có máy lạnh, tàu cao tốc và cả máy bay với thủ tục đơn giản, dễ dàng, tin cậy.

3.2.6 Nâng cao các dịch vụ phục vụ hoạt động DLST

Các hoạt động DLST từ các nhà điều hành đến hướng dẫn viên, nhân viên và từ khách sạn, nhà hàng, cửa ăn uống, buôn bán lớn nhỏ... đều phải có thái độ văn minh,

lịch sự, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng nhằm đảm bảo cho toàn bộ chuyến đi du lịch vui vẻ, thích thú, an toàn, đặc biệt là có cảm giác thoải mái, thích đi nữa.

3.2.7 Phát triển cộng đồng

Phát triển các hình thức du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng địa phương là xu hướng mới. Điều đặc biệt ở đây là các điểm du lịch sinh thái này đều do cộng đồng địa phương khai thác, quản lí, sử dụng nhằm đáp ứng tốt công tác quản lí và bảo vệ rừng cũng như tạo điều kiện cho người dân địa phương có cơ hội tham quan giải trí và từng

bước ổn định đời sống của nhân dân vùng đệm, giảm áp lực vào rừng để khai thác trái phép gỗ. Một số ít cư dân nhân rỗi ở đây nên được sử dụng vào việc phục vụ các dịch vụ cho khu du lịch.

B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG 5

1. Hãy liệt kê những loại hình sinh thái ở Việt Nam.
2. Hãy phân tích những thuận lợi và khó khăn trong phát triển DLST ở Việt Nam.
3. Cần làm gì để phát triển DLST ở Việt Nam trong thời gian sắp đến.

C. GHI NHỚ

DLST cũng là một xu hướng phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam trong những năm qua. Các hình thức DLST phổ biến ở Việt Nam là: Du lịch dã ngoại, tham quan, giải trí, nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng; Du lịch tìm hiểu, nghiên cứu theo chuyên đề sinh thái, lịch sử, khảo cổ, văn hóa; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch về thăm chiến trường xưa; DLST rạn San hô.

Ở Việt Nam có các khu DLST phổ biến là Vườn quốc gia; Các khu BTTN, di sản văn hóa, lịch sử; Các vườn chim, các khu vui chơi do con người tạo nên để tham quan du lịch.

HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY MÔN HỌC

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- *Vị trí:* Du lịch sinh thái là môn học chuyên môn, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo nghề “ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành”, được giảng dạy độc lập.

- *Tính chất:* Đây là môn học lý thuyết được tổ chức giảng dạy tại phòng học lý thuyết với đầy đủ trang thiết bị dạy và học, giúp người học có được những kiến thức về du lịch sinh thái, phát triển du lịch sinh thái bền vững, thiết kế được hoạt động du lịch sinh thái.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Kiến thức

- Trình bày được các định nghĩa về du lịch sinh thái, các nguyên tắc du lịch sinh thái bền vững, nguyên tắc sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong phát triển du lịch sinh thái;

- Trình bày được mối quan hệ giữa du lịch sinh thái đến môi trường, các bước quản lý sự cố và hiểm họa du lịch sinh thái;

- Xác định được cách sử dụng tài nguyên cảnh quan trong phát triển du lịch sinh thái, nguyên tắc cơ bản bảo vệ tài nguyên cảnh quan trong du lịch sinh thái;

- Xác định được các loại hình du lịch sinh thái Việt Nam.

2. Kỹ năng

- Thiết kế được một hoạt động du lịch sinh thái;

- Tận dụng tài nguyên cảnh quan trong phát triển du lịch sinh thái và bảo vệ tài nguyên trong du lịch sinh thái;

- Đưa ra các phương hướng và giải pháp cụ thể để phát triển một khu du lịch sinh thái.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Học sinh có năng lực tự nghiên cứu, làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Chế Đình Lý (2006), *Giáo trình môn học Du lịch sinh thái*, Viện Môi trường và Tài nguyên - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[2]. G.Crez – R.Lanquar- Y.Raynouard, Đào Đình Bắc (dịch) (2001), *Quy hoạch du lịch*, NXB Đại Học Quốc gia Hà Nội.

[3]. Kerg Lindberg và Donalde Hawkins (1999), *Du lịch sinh thái hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lí*, Cục Môi trường (sách dịch)

[4]. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.